

Số: /BNNMT-PC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v xử lý kiến nghị, đề xuất của địa phương
khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp

Kính gửi:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết vướng mắc, khó khăn, kiến nghị của địa phương trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp thống nhất, liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn và hiệu quả, Bộ trưởng đề nghị các Thứ trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Các đồng chí Thứ trưởng theo lĩnh vực được phân công: Chỉ đạo các đơn vị phụ trách khẩn trương xử lý các kiến nghị, đề xuất của địa phương (*gửi kèm theo*); ký văn bản gửi địa phương đề hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị trong lĩnh vực phụ trách.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Khẩn trương, trực tiếp xử lý, hướng dẫn, giải đáp các kiến nghị, đề xuất của địa phương theo lĩnh vực quản lý (*chi tiết tại Phụ lục gửi kèm theo*); trình Thứ trưởng phụ trách ký văn bản gửi địa phương **trước ngày 04 tháng 8 năm 2025** (đồng thời gửi về Vụ Pháp chế để tổng hợp);

b) Tổ chức cập nhật và xử lý các kiến nghị, đề xuất mới phát sinh của địa phương khi thực hiện phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực được giao quản lý; báo cáo tình hình tiếp nhận và kết quả xử lý gửi Vụ Pháp chế vào thứ 2 hằng tuần để tổng hợp, báo cáo Chính phủ vào Thứ tư hằng tuần;

c) Cử Lãnh đạo, công chức làm đầu mối cập nhật, xử lý và báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị, đề xuất của địa phương gửi Vụ Pháp chế **trước ngày 04 tháng 8 năm 2025** (*đề nghị ghi rõ số điện thoại và địa chỉ email để liên lạc*).

Trân trọng đề nghị các đồng chí Thứ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện đúng yêu cầu, đảm bảo thời hạn và chất lượng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (nqhuy5).

Q. BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

Phụ lục: CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Công văn số /BNNMT-PC ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT		
1.1	Tại Điều 9, Luật bảo vệ và Kiểm dịch thực vật quy định “hệ thống cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được tổ chức từ trung ương đến cấp huyện”. Thực hiện sắp xếp bộ máy chính quyền hai cấp từ ngày 01/7/2025 không còn cấp huyện, nên đề nghị sửa đổi thành “hệ thống cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được tổ chức từ trung ương đến cấp xã”.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
1.2	Đối với TTHC Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (1.007998)” - Tại điểm (i), bước 3, tiểu mục 2.1, mục 2, phần II của phụ lục kèm theo Quyết định số 2286/QĐ-BNNMT, ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định “trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện, sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thông báo ngay bằng văn bản có nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân” như vậy theo quy trình trên qua rất nhiều bước, mất rất nhiều thời gian giữa các bước. Do vậy đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, điều chỉnh bỏ cụm từ “sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” để đơn giản các bước trong quá trình thực hiện.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
1.3	Tại điểm (ii), bước 3, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II của phụ lục kèm theo Quyết định số 2286/QĐ-BNNMT, ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định “Trường hợp không cấp lại, sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.” như vậy theo quy trình trên qua rất nhiều bước, mất rất nhiều thời gian giữa các bước. Do vậy đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, điều chỉnh thành như sau “Trường hợp không cấp lại trình chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.” để đơn giản các bước trong quá trình thực hiện.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	
1.4	Tại Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố danh mục TTHC toàn trình đối với TTHC cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật và TTHC cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật. Tại điểm b,	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	khoản 3, Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT, ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải “Thành lập đoàn đánh giá, Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế. Đoàn đánh giá gồm 3-5 thành viên có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý chuyên ngành về lĩnh vực đánh giá. Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 05 ngày. Thông báo nêu rõ thành phần đoàn, phạm vi, nội dung, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc”. Do vậy TTHC không đáp ứng tiêu chí về dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định vì tại điểm e, khoản 1, Điều 13, chương II thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2025 của Văn phòng Chính phủ quy định “Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường điện tử, quá trình thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính không có quy định tổ chức, cá nhân phải nộp, xuất trình bản giấy để kiểm tra hoặc yêu cầu hiện diện tại cơ quan nhà nước hoặc thực hiện quy trình trước mặt cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết; cơ quan nhà nước phải đi thẩm tra, xác minh tại hiện trường theo quy định của pháp luật”. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét sửa đổi lại Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT này 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý thuốc bảo vệ thực vật lại cho phù hợp.		
1.5	+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn toàn huyện, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn chuyển nhiệm vụ này về Ủy ban nhân dân cấp xã khi áp dụng mô hình chính quyền 2 cấp. + Công tác giải quyết thủ tục hành chính: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cụ thể đối với việc ghi thông tin trên giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề được cấp sau ngày 01/7/2025 và việc xác định tính hợp pháp về địa điểm kinh doanh sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp và việc kiểm tra, thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV đối với các cơ sở có ĐKKD trên địa bàn Thành phố nhưng kho chứa, nhà xưởng đặt trên địa bàn tỉnh khác; Một số TTHC có thành phần hồ sơ (hợp đồng, giấy chứng nhận,...) do nước ngoài cấp, tuy nhiên lại chưa có hướng dẫn về dịch thuật gây khó khăn cho chuyên	Hà Nội <i>Công văn số 4502/SNNMT-KHTC</i> Ngày 18/7/2025	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	viên thụ lý trong việc tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (TTHC về nhập khẩu thuốc BVTC).		
1.6	Về tổ chức bộ máy chuyên môn trong điều kiện không còn cấp huyện Sau khi tổ chức lại theo mô hình 2 cấp (tỉnh - xã), nhiều nhiệm vụ quản lý chuyên môn ở cơ sở không còn lực lượng trung gian hỗ trợ (như trước đây là cấp huyện). Điều này ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho cấp xã trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, phân bón, vật tư nông nghiệp... Về phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính Một số thủ tục hành chính chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật (BVTV) hiện thuộc thẩm quyền ký của Chủ tịch UBND tỉnh, ví dụ: (1) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón; (2) Công nhận tổ chức khảo nghiệm thuốc BVTV; (3) Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc BVTV; (4) Xác nhận nội dung quảng cáo thuốc BVTV; (5) Cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể kiểm dịch thực vật. Nội dung này đề nghị được phân quyền cho Giám đốc Sở hoặc thủ trưởng đơn vị chuyên môn trực tiếp xử lý. Vướng mắc trong thực hiện quy định chuyên ngành - Về quy hoạch vùng trồng lúa năng suất, chất lượng cao theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP, ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa: Quy hoạch vùng lúa năng suất, chất lượng cao không có trong Phụ lục 2 Luật Quy hoạch, nên thiếu căn cứ pháp lý thực hiện. Tỉnh chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý đất đai, gây khó khăn trong lập dự toán và tổ chức thực hiện quy hoạch. - Về bồi thường cây lâu năm (Khoản 2 Điều 103, Luật đất đai 2024): Thực tế không xác định được chu kỳ còn lại của cây lâu năm (như chè Shan tuyết trên núi cao). Việc áp dụng công thức tính bồi thường như hiện hành là không khả thi trong điều kiện thực tiễn. Đề xuất: Tính bồi thường theo giá trị hiện có tại thời điểm kiểm đếm, bao gồm: Giá trị sản lượng cao nhất trong 3 năm liền kề cộng với chi phí giai đoạn kiến thiết cơ bản. - Về đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi (Khoản 6 Điều 103, Luật Đất đai 2024): Quy định chưa rõ về tiêu chí xác định “biến động giá thị trường”. Thiếu hướng dẫn cụ thể để UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh đơn giá bồi thường phù hợp thực tế địa phương.	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
1.7	Vướng mắc về thủ tục hành chính và vận hành hệ thống thông tin Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) còn hạn chế trong liên thông điện tử: Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa đồng bộ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành trồng trọt và BVTV, gây chậm trễ xử lý hồ sơ. Thiếu kết nối hệ thống giữa các đơn vị chuyên môn và UBND xã, đặc biệt trong khâu phản hồi kết quả TTHC. Chưa rõ ràng trong phân cấp xử lý TTHC: Một số TTHC có thể phân cấp cho Giám đốc Sở hoặc Chi cục xử lý, nhưng chưa có văn bản quy định rõ ràng, gây lúng túng trong tổ chức thực hiện. Đề xuất, kiến nghị . Về tổ chức bộ máy và lực lượng chuyên môn Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu ban hành hướng dẫn tổ chức lực lượng chuyên môn phù hợp trong điều kiện chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh - xã), bảo đảm hiệu quả triển khai nhiệm vụ ở cơ sở. Về sửa đổi, bổ sung pháp luật chuyên ngành - Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cụ thể thực hiện quy hoạch vùng lúa năng suất, chất lượng cao.	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
1.8	Theo Điều 25 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT quy định Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 1 Điều 61 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc bảo vệ thực vật. Vậy thủ tục Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật theo khoản 1 Điều 61 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT được phân cấp về UBND tỉnh thực hiện, do đó phải sửa đổi khoản 1 Điều 61 của Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT. Nhưng theo khoản 2 Điều 26 tại Thông tư 12/2025/TT BNNMT lại đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 61 thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT. Như vậy: Việc sửa đổi theo khoản 2 Điều 26 sẽ không thể hiện việc phân cấp, phân quyền và làm mất đi thủ tục Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật ở địa phương. Đề xuất: Sửa khoản 2 Điều 26 thành: Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 61 như sau: Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật...	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
II	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y		

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
2.1	- Việc theo dõi, cập nhật, báo cáo chỉ tiêu, kế hoạch theo khung chỉ tiêu giao của UBND tỉnh ở các xã mới còn lúng túng, có chỉ tiêu còn chưa biết cách tính (như tính tốc độ tăng đàn gia súc). Do công chức của phòng kinh tế xã hiện nay đa số là công chức địa chính nông nghiệp của các xã cũ, ít tiếp cận, làm quen với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch theo khung chỉ tiêu của tỉnh. - Số lượng cơ quan đầu mối tăng từ 08 (cấp huyện, thành phố) lên thành 38 xã; Qua nắm bắt thực tế, nhiều xã chưa phân công nhiệm vụ cụ thể theo lĩnh vực, nhiều xã còn lúng túng trong việc triển khai nhiệm vụ. Do đó mất nhiều thời gian cho việc thông tin liên lạc, trao đổi công việc, khó khăn, chậm tiến độ cho việc tổng hợp báo cáo, xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh. - Hầu như các xã không có hoặc không được giao cán bộ chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản, thú y (chỉ có 02/38 xã, chiếm 95%) nên rất khó khăn trong việc tham mưu, chủ yếu là kiêm nhiệm. - Theo Kết luận số 137/KL-TW, ngày 28/3/2025 của Bộ chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp thì trong thời gian tới lực lượng thú y xã, phường, đã không còn (lực lượng chính trong công tác tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm, tiêu độc khử trùng môi trường, xử lý tiêu hủy động vật mắc bệnh tại cơ sở, tư vấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật cho người dân....); trong khi đó lực lượng có chuyên môn về chăn nuôi thú y và thủy sản tại tỉnh và các xã, phường rất mỏng không đáp ứng được yêu cầu trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật. - Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở giết mổ động vật tập trung, các cơ sở giết mổ động vật trên địa bàn tỉnh Lai Châu đều là cơ sở nhỏ lẻ, tự phát (khoảng 200 cơ sở), nằm rải rác trong các khu dân cư nên việc tổ chức và thực hiện việc kiểm soát giết mổ gặp nhiều khó khăn. Tương tự công tác kiểm soát động vật, sản phẩm vận chuyển vào địa bàn phụ trách, kiểm tra vệ sinh thú y với lực lượng công chức cấp tỉnh, xã, phường như hiện nay không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo quy định. Đề xuất: Đối với nhân viên thú y cấp xã đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 8 tháng 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị tiếp tục được xem xét ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022. Các địa phương sắp xếp, bố trí lại nhân sự phù hợp với điều kiện, trình độ chuyên môn, có thể tiếp tục làm việc theo hợp đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc được bố trí về thôn, tổ dân phố.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Chăn nuôi và Thú y

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
2.2	Về thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn (Mã TTHC: 1.008128). Trường hợp trang trại đủ điều kiện và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi thì định kỳ sau 24 tháng kể từ ngày trang trại được cấp giấy chứng nhận phải tiếp tục thực hiện đánh giá giám sát duy trì. Theo quy định của Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi thì lệ phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì (lại) là: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. Nội dung thu lệ phí thẩm định (lại) không thực hiện trên dịch vụ hành chính công mà thực hiện theo luật. Hiện nay, đơn vị đang vướng mắc tại nội dung thu phí thẩm định trên, đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể việc thu, nộp.	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT- VP ngày 07/7/2025)	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.3	- Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: “Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố và dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Luật Thú y”. Trước đây, khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công bố dịch sẽ xác định vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm; đồng thời, tổ chức chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp và vùng đệm theo quy định tại điều 27, 28, 29 Luật Thú y. Tuy nhiên, khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố dịch chỉ xác định được vùng có dịch (vì vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm thuộc địa bàn cấp xã khác). Vì vậy sẽ gây khó khăn khi thực hiện công bố dịch bệnh động vật trên cạn và tổ chức chống dịch bệnh động vật tại vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm theo quy định của Luật Thú y.	Hà Tĩnh Công văn số 3550/SNNMT -TCCB ngày 08/7/2025	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.4	- Theo quy định Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và thẩm định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y; theo đó, tại khoản 2 Điều 21: “Ở cấp xã: Nhân viên thú y xã có trách nhiệm báo cáo dịch bệnh động vật cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo dịch bệnh động vật cho Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh”. Hiện nay tại cấp xã chưa bố trí “Nhân viên thú y xã”; Vì vậy, tại cấp xã khó khăn trong công tác giám sát, báo cáo và tham mưu triển khai các giải pháp khi dịch bệnh xảy ra.	Hà Tĩnh Công văn số 3550/SNNMT -TCCB ngày 08/7/2025	Cục Chăn nuôi và Thú y

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát hiện sớm, ứng phó và ngăn chặn dịch bệnh động vật trên địa bàn cơ sở.		
2.5	- Đề hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do dịch bệnh được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật (có hiệu lực thi hành từ ngày 25/7/2025); trong đó, tại khoản 1 Điều 14 quy định: “Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền tiếp nhận nhưng chưa thực hiện hỗ trợ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/ 01/ 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh”. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang xảy ra Dịch tả lợn Châu Phi và Dịch Viêm da nổi cục trâu, bò nếu áp dụng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 về trình tự thủ tục sẽ gặp một số vướng mắc về trách nhiệm của các cấp, cụ thể như: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ chuyên môn của huyện, đại diện các tổ chức xã hội, đại diện thôn, bản, tổ dân phố để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.	Hà Tĩnh <i>Công văn số 3550/SNNMT-TCCB ngày 08/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.6	Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Theo khoản 8 Điều 63 Nghị định 136/2025/NĐ-CP quy định "Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ, dữ liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn phân quyền, phân cấp quy định tại Nghị định này và hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này cho cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền được phân quyền, phân cấp", tuy nhiên, thời gian quy định cho tỉnh tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp, phân quyền quy định từ ngày 01/7/2025. Như vậy không quy định thời gian chuyển tiếp để chuyển giao hồ sơ, dữ liệu và hướng dẫn từ cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp cho các địa phương tiếp cận thực hiện được các thủ tục hành chính, bước đầu gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện.	Hưng Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
2.7	- Tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 8 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chưa thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và chưa phù hợp với thực tế.	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.8	- Về phân cấp: Tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chưa thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và chưa phù hợp với thực tế.	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.9	- Quy trình nội bộ các thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi, thú y được công bố tại Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được phân cấp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người phê duyệt trong khi khối lượng công việc của tỉnh thường xuyên phải giải quyết là rất lớn và chưa quy định thời gian xử lý hồ sơ tại Ủy ban nhân dân tỉnh; - Qua theo dõi, nắm bắt tại một số xã, cán bộ phụ trách chuyên môn còn mới, thời gian tiếp cận còn ngắn chưa nắm bắt hết các quy định về lĩnh vực chăn nuôi, thú y nên việc triển khai, báo cáo còn gặp khó khăn; - Khi thực hiện sáp nhập xã, địa bàn quản lý rộng, dữ liệu về địa giới hành chính chưa được cập nhật đầy đủ nên các cán bộ chuyên môn cấp xã chưa tiếp cận kịp thời về thống kê số liệu chăn nuôi, dịch bệnh (như: số cơ sở sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi, trang trại, số lượng đầu con, sản lượng, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, ...).	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.10	kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền: Đối với các thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y được công bố tại Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường nên quy định việc phê duyệt cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và tính đủ thời gian để xử lý hồ sơ trong các bước của quy trình;	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.11	- Để hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y 02 cấp được thông suốt, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y tại các cơ sở, địa phương trong tỉnh theo quy định của Luật Thú y và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, kiến nghị:	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	+ Duy trì Trạm Chăn nuôi và Thú y thuộc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn liên xã; + Duy trì nhân viên thú y cấp xã, ít nhất mỗi xã, phường có 01 nhân viên để thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn cấp xã; có chế độ chính sách phù hợp với quy định của pháp luật. - Đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y sớm hướng dẫn, chuyển giao các thủ tục hành chính đã được Bộ phân quyền, phân cấp cho các địa phương để địa phương sớm tiếp cận thực hiện đảm bảo đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân.		
2.12	đề nghị Bộ Nông nghiệp và MT: + Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ thủ tục hành chính phân cấp theo Nghị định 136/2025/NĐ-CP các thủ tục mới, một số thủ tục có tính chất phức tạp đặc biệt các nội dung liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. + Kiến nghị, đề xuất các cấp có thẩm quyền xem xét bỏ thủ tục hành chính cấp thông báo tiếp nhận công bố hợp quy thuốc thú y (do đã có thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thuốc thú y), hợp quy thức ăn chăn nuôi để cắt giảm TTHC đối với tổ chức/cá nhân. + Chuyển dữ liệu liên quan đối với các nhiệm vụ phân công, phân cấp về cấp tỉnh (các dữ liệu trước ngày 01/7/2025 do Cục Chăn nuôi và Thú y quản lý) để nắm bắt, xây dựng kế hoạch để quản lý không làm gián đoạn công tác quản lý nhà nước.	Hà Nội <i>Công văn số 4502/SNNMT-KHTC</i> Ngày 18/7/2025	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.13	Trong quá trình thực hiện triển khai Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi có 04 thủ tục hành chính về lĩnh vực chăn nuôi, thú y đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố tại Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025, bao gồm: (1) Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước (Mã TTHC: 3.000127); (2) Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (Mã TTHC 3.000128); (3) Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (Mã TTHC 3.000129); (4) Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (Mã TTHC 3.000130) sẽ gặp khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện trên cổng thông tin điện tử của Bộ như hiện nay do chưa phù hợp với mô hình làm việc tại địa phương và chưa có tài khoản đăng nhập vào hệ thống, cụ thể: Các TTHC này thực hiện toàn trình (100% trên môi trường điện tử), trong đó có bước thực hiện cập nhật vào phần mềm do Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Chăn nuôi và Thú y) quản lý, có tài khoản riêng. Hiện nay, địa phương chưa được	Lào Cai <i>Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	cấp tài khoản để đăng nhập vào hệ thống. Khi phân cấp về cho địa phương, không thể thực hiện bước này để hoàn thiện quy trình thực hiện TTHC. Do vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét sửa đổi, bổ sung 04 quy trình giải quyết TTHC nêu trên để phù hợp với mô hình làm việc tại địa phương (Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận trình Chủ tịch UBND tỉnh ký) để thống nhất thực hiện trên địa bàn cả nước. Đồng thời, cấp tài khoản truy cập hệ thống cho các địa phương để thực hiện		
2.14	(1) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh có chính sách ưu đãi hỗ trợ cho lực lượng Nhân viên Thú y bán chuyên trách cấp xã, có cơ chế xét tuyển, hợp đồng lao động đối với các vị trí Thú y viên cơ sở để bổ sung nguồn nhân lực bị thiếu hụt; có chế độ bảo hiểm và được hưởng chế độ nặng nhọc, độc hại,... để giữ chân những người có trình độ và kinh nghiệm.	Tuyên Quang <i>BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025</i>	Cục Chăn nuôi và Thú y
III	LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ		
3.1	Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện “Ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản” được quy định khoản 4, Điều 13 Luật Thủy sản. Tuy nhiên, do mỗi địa phương có các nghề khai thác thủy sản đặc thù hoặc truyền thống riêng khác với các địa phương khác do đó việc quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng sẽ không đồng nhất được trên phạm vi cả nước, gây tình trạng các tàu cá hoạt động nghề cấm của tỉnh này sang khu vực vùng biển của tỉnh khác để khai thác thủy sản, gây khó khăn cho công tác quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hướng dẫn cụ thể để tạo thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện.	Thanh Hóa <i>Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025</i>	Cục Thủy sản và kiểm ngư
3.2	đề nghị Bộ Nông nghiệp và MT: + Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ thủ tục hành chính phân cấp theo Nghị định 136/2025/NĐ-CP các thủ tục mới, một số thủ tục có tính chất phức tạp đặc biệt các nội dung liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. + Tập huấn các nội dung: nghiệp vụ cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá; cấp phép nhập khẩu tàu cá để khai thác thủy sản; nghiệp vụ trong triển khai “Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm”,...	Hà Nội <i>Công văn số 4502/SNNMT-KHTC Ngày 18/7/2025</i>	Cục Thủy sản và kiểm ngư

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	+ Tập huấn nghiệp vụ trong việc triển khai thực hiện thủ tục “Tiếp nhận, xác lập loài thủy sản thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm. + Đề nghị cơ quan quản lý CITES và Cục Thủy sản và Kiểm ngư hướng dẫn việc cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục 1 CITES (không vì mục đích xuất khẩu), các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm thuộc phụ lục II CITES.		
3.3	Theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực biển và hải đảo: Tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép nuôi trồng thủy sản và hồ sơ Đề nghị giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định; Cơ sở để giao khu vực biển được giao là phải có ranh giới khu vực biển kèm ranh giới quản lý hành chính đối với các địa phương có biển, đảo để phân định thẩm quyền và phạm vi quản lý. Tuy nhiên, hiện nay ranh giới quản lý hành chính đối với các xã, phường, thị trấn có biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chưa được xác định cụ thể, dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện.	Khánh Hòa Công văn số 806/SNNMT-PC ngày 18/7/2025	Cục Thủy sản và kiểm ngư
IV	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC		
4.1	- Liên quan đến TTHC: Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (mã số 1.012691) và Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (mã số 1.012695) được quy định tại Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (tổ chức) và thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư). Theo Quy định tại khoản 1, 3 Điều 22, Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và khoản 4 Điều 13 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền 02 cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, thì thẩm quyền thu hồi rừng đối với tổ chức và đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện và Trình tự, thủ tục được thực hiện theo Nghị định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa có Quyết định công bố 02 TTHC đối với nội dung thu hồi đất, thu hồi rừng nêu trên; để tỉnh xây dựng, công bố TTHC cho chính quyền cấp xã thực hiện. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành	Hà Tĩnh Công văn số 3550/SNNMT-TCCB ngày 08/7/2025	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	Quyết định công bố TTHC đối với nội dung thu hồi đất, rừng để địa phương có cơ sở thực hiện.		
4.2	<i>Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</i> Tại điểm d, khoản 2, Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, có quy định “Trong thời hạn 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định, Hội đồng thẩm định có ít nhất bảy (07) thành viên, với cơ cấu thành phần bao gồm: 01 Chủ tịch hội đồng; 01 Phó Chủ tịch hội đồng khi cần thiết; 01 Ủy viên thư ký và ủy viên khác là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh về: nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, cơ quan khoa học CITES và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp”. Đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hướng dẫn thêm trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định có cơ cấu thành phần ủy viên khác là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh về: nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, cơ quan khoa học CITES và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp. Khi tỉnh không có cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh về: “cơ quan khoa học CITES và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp”.	Điện Biên <i>Công văn số 2216/SNNMT -VP ngày 07/7/2025</i>	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
4.3	Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường về phân quyền, phân cấp quản lý lâm nghiệp và kiểm lâm - Chưa có quy định cụ thể và chặt chẽ về cơ cấu tổ chức thay thế Hạt Kiểm lâm huyện, nhất là trong công tác phối hợp liên ngành, tuần tra rừng xuyên xã. - Thiếu cơ chế đảm bảo duy trì ổn định hoạt động kiểm lâm địa bàn trong khi tổ chức lại bộ máy.	Điện Biên <i>Công văn số 2216/SNNMT -VP ngày 07/7/2025</i>	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
4.4	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể nội dung: - Mô hình tổ chức kiểm lâm sau khi bỏ cấp huyện. - Cơ chế phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm cấp tỉnh và chính quyền cấp xã.	Điện Biên <i>Công văn số 2216/SNNMT -VP ngày 07/7/2025</i>	

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
4.5	Về tăng cường năng lực cho cấp xã - Bố trí công chức chuyên trách lâm nghiệp tại cấp xã, có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp. - Tăng cường tập huấn, đào tạo cho công chức xã về giám sát rừng, xử lý vi phạm hành chính trong lâm nghiệp.	Điện Biên <i>Công văn số 2216/SNNMT-VP ngày 07/7/2025</i>	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
4.6	Bảo đảm kinh phí và công nghệ cho quản lý rừng Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến với UBND các tỉnh: - Bố trí nguồn ngân sách ổn định hàng năm cho quản lý rừng cấp xã. - Đầu tư hệ thống theo dõi diễn biến rừng qua vệ tinh (FRMS) và tích hợp với phần mềm của xã. - Khuyến khích áp dụng QGIS, UAV (drone) để nâng cao hiệu quả quản lý rừng cộng đồng.	Điện Biên <i>Công văn số 2216/SNNMT-VP ngày 07/7/2025</i>	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
4.7	Tăng cường vai trò giám sát của nhân dân và tổ chức đoàn thể Có chính sách khuyến khích huy động cộng đồng tham gia bảo vệ rừng, phát triển rừng cộng đồng, giao khoán bảo vệ rừng; cũng như có chính sách khen thưởng, hỗ trợ kinh tế cho các hộ dân, tổ chức xã hội có thành tích xuất sắc trong bảo vệ rừng.	Điện Biên <i>Công văn số 2216/SNNMT-VP ngày 07/7/2025</i>	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
4.8	Thông tư 27/2025/BNN ngày 24/6/2025 về phụ lục loài Nguy cấp quý hiếm Sâm Việt Nam (<i>Panax vietnamensis</i>) từ rừng tự nhiên thì thuộc nhóm IA và được ưu tiên bảo vệ còn nuôi trồng nhân tạo thì thuộc nhóm IIA, theo đó khi gặp trường hợp tàng trữ lâm sản trái pháp luật không xác định được đối tượng vi phạm thì có căn cứ nào để xác định được đâu là Sâm có nguồn gốc tự nhiên, đâu có nguồn gốc từ nuôi trồng nhân tạo không Theo Nghị định 06 thì Sâm Ngọc Linh (tự nhiên) <i>Panax vietnamensis</i> thuộc nhóm IA; Sâm Lai Châu (<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>fuscidiscus</i>) thuộc nhóm IIA; còn Thông tư 27 thì ghi chung là Sâm Việt Nam (<i>Panax vietnamensis</i>) thì Sâm Lai Châu có được gọi là Sâm Việt Nam không, và có thuộc danh mục loài nguy cấp quý hiếm không	Lai Châu	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
4.9	+ Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, trong đó quy định: “Tham mưu cho người đứng đầu Kiểm lâm cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện”, tuy nhiên thực hiện Kết luận số 127/-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống	Hà Nội <i>Công văn số 4502/SNNMT-KHTC Ngày 18/7/2025</i>	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	chính trị, Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025; từ ngày 01/7/2025, thành phố Hà Nội chính thức thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, không còn chính quyền cấp huyện, vì vậy cần điều chỉnh “Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm lâm cấp huyện”; + Căn cứ điểm d Điều 19 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trong đó quy định “Hạt Kiểm lâm lập hồ sơ phê duyệt kết quả theo quy định tại điểm này, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố hiện trạng rừng, báo cáo Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau” Đến thời điểm này chưa xác định ranh giới rừng và đất lâm nghiệp của các xã mới sau thành lập trên phần mềm cập nhật diễn biến rừng FRMS 4.0, ảnh hưởng công tác theo dõi diễn biến rừng, tham mưu trình công bố hiện trạng rừng của các Hạt Kiểm lâm đối với các xã có rừng trên địa bàn Thành phố, đối với các nội dung này đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường: + Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 159/2024/NĐ CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng cho phù hợp với tình hình thực tế. + Phân định rõ ranh giới rừng và đất lâm nghiệp của các xã mới sau thành lập trên phần mềm FRMS để tiếp tục thực hiện công tác cập nhật diễn biến rừng bằng phần mềm FRMS.		
4.10	Tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc UBND cấp xã có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về lâm nghiệp, cụ thể: a) Tham mưu, trình UBND cấp xã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng; thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã và chủ rừng trong quản lý, bảo vệ,	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	phát triển và sử dụng rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng ở địa phương; b) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng, thuê đất để trồng rừng sản xuất; phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; c) Giúp UBND cấp xã tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ rừng; điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; quản lý rừng, bảo vệ rừng, bảo tồn tài nguyên và đa dạng sinh học trong các loại rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phát triển rừng và sử dụng rừng; các chương trình, dự án về lâm nghiệp theo quyết định của UBND cấp xã; xác nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng theo quy định của pháp luật. Hiện nay, theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ) thì Kiểm lâm cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn “Tham mưu cho người đứng đầu Kiểm lâm cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện” về công tác lâm nghiệp tại địa phương. Tuy nhiên, đến nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung. Do đó, để bảo đảm không bị chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường ở cấp xã. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và môi trường rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm lâm và cơ quan liên quan bảo đảm phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.		
4.11	Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025). Theo đó, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp của các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 26 đến Điều 33 Chương III Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 35/2019/NĐ-CP) so với Nghị định số 189/2025/NĐ-CP đã có sự thay đổi về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (như: Mức tiền phạt; hình thức xử phạt bổ sung; biện pháp khắc phục hậu quả). Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	35/2019/NĐ-CP để phù hợp với Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ.		
V	LĨNH VỰC THỦY LỢI		
5.1	- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm có ý kiến đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Luật Cấp, Thoát nước. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng và ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn, nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc xử lý các hành vi như: phá hoại công trình, đầu nối trái phép, sử dụng lãng phí, không thanh toán phí nước đúng thời hạn, làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT- VP ngày 07/7/2025)	Cục QL và XDCT Thủy lợi
5.2	Có văn bản hướng dẫn điều chỉnh việc phân cấp (do không tổ chức cấp huyện) thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực nước sạch cho các địa phương như công tác điều tra bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn; Để có cơ sở đánh giá chỉ tiêu nước sạch phục vụ tiêu chí về tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch trong chương trình nông thôn mới cũng như phục vụ đánh giá chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh liên quan đến chỉ tiêu tiêu nước sạch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần hướng dẫn cụ thể các chỉ tiêu lấy mẫu nước hộ gia đình để đánh giá nước đạt chất lượng theo quy chuẩn của Bộ Y tế.	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT- VP ngày 07/7/2025)	Cục QL và XDCT Thủy lợi
5.3	- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2066/BNMT-TCCB ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về định hướng sắp xếp kiện toàn cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã hướng dẫn cụ thể về tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Môi trường cụ thể như sau: Đối với một số lĩnh vực chuyên ngành có phạm vi quản lý rộng, đối tượng quản lý phức tạp, nhạy cảm thường xuyên phát sinh các vấn đề cần phải xử lý tại cơ sở như: quản lý đê điều, công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai... căn cứ đặc thù của từng địa phương, cần tiếp tục duy trì và củng cố mô hình Chi cục trực thuộc Sở; đồng thời bố trí các trạm trực thuộc chi cục để thực hiện các nhiệm vụ quản lý và thực thi pháp luật theo khu vực liên xã, phường để bảo đảm kịp thời giải quyết các công việc. - Đồng thời, theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại mục 3 Công văn số 65-CV/TW ngày 13/6/2025 về việc chủ động ứng phó, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai có nêu “Nâng cao vai trò, năng lực quản lý nhà nước, khẩn trương củng cố lực lượng làm công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai bảo đảm đủ năng lực hoạt động, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02	Cần Thơ Công văn số 49/SNNMT- VP ngày 11/7/2025	Cục QL và XDCT Thủy lợi

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	cấp...”. Thực tế trong thời gian qua nhân sự tại Trạm Quản lý thủy nông, các Trạm Thủy lợi quận, huyện ngoài thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên môn, chuyên ngành về lĩnh vực thủy lợi còn tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về tổ chức thực hiện phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời, hiệu quả góp phần thiết thực trong công tác giảm nhẹ thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và nhà nước do thiên tai gây ra trên địa bàn thành phố. + Về loại hình: Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có con dấu, tư cách pháp nhân, do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động (nhóm 4) hạch toán phụ thuộc Chi cục Thủy lợi. Trung tâm có các Trạm thủy lợi liên xã, khu vực. + Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng quản lý khai thác công trình thủy lợi và đề điều do thành phố quản lý theo phân cấp. + Phương thức thực hiện: Chi cục Thủy lợi phối hợp với Văn phòng Sở tham mưu xây dựng Đề án Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập Trung tâm điều hành các công trình thủy lợi trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập Trạm quản lý thủy nông trực thuộc Chi cục Thủy lợi thành phố Cần Thơ, 07 Trạm thủy lợi thuộc quận, huyện của thành phố Cần Thơ, 08 Trạm Thủy lợi thuộc Chi cục Thủy lợi tỉnh Hậu Giang và thành lập mới 04 Trạm thủy lợi khu vực tỉnh Sóc Trăng. Bên cạnh đó, việc thành lập Trung tâm Điều hành các công trình thủy lợi trực thuộc Chi cục Thủy lợi đảm bảo chức năng quản lý Nhà nước về hạ tầng và khai thác công trình thủy lợi; không phát sinh thêm công chức do Lãnh đạo Trung tâm và kế toán trưởng kiêm nhiệm; đảm bảo kinh phí hoạt động hàng năm từ nguồn kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi, giao nhiệm vụ, kinh phí hàng năm cho đơn vị thực hiện và quyết toán theo quy định.		
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI		
6.1	- Về thành lập, tổ chức, nhiệm vụ của của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Chính quyền 2 cấp đặc biệt là cấp xã: Hiện nay chưa có Nghị định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ để hướng dẫn thành lập, tổ chức, nhiệm vụ của của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Chính quyền 2 cấp đặc biệt là cấp xã. Do đó, việc hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ về chỉ đạo điều hành, tổ chức phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai và công tác thông tin, báo cáo của cấp xã gặp khó khăn.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Quản lý Đề điều và Phòng, chống lụt bão

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	- Về tình huống khẩn cấp về thiên tai Quy định tại Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ: Đối với các tình huống thiên tai đã hoặc đang xảy ra gây ảnh hưởng hoặc có nguy cơ đe dọa trực tiếp đến các công trình cơ sở hạ tầng thuộc cấp xã mới (do mất cấp huyện). Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 66/NĐ-CP, đối tượng các danh mục để xác định tình huống khẩn cấp là cấp huyện, cấp xã không thuộc danh mục để xác định là tình huống khẩn cấp. Do vậy, việc thống kê, kiểm tra, rà soát, tham mưu công bố tình huống về thiên tai đối với các công trình cấp xã mới còn khó khăn, bất cập. Đề xuất, kiến nghị: Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trên đề nghị Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định 66/2021/NĐ-CP để phù hợp với chính quyền 2 cấp.		
6.2	Quá trình thực hiện có vướng mắc liên quan đến thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: “3. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1 theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 7; ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2 theo quy định tại khoản 3 Điều 8; ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3 theo quy định tại khoản 5 Điều 9; ứng phó thiên tai cấp độ 4 theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều.” Tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều đang quy định “4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.”. Đây là nội dung áp dụng trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; do đó cần điều chỉnh, hướng dẫn phân định thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đề xuất kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm triển khai và ban hành một số nội dung sau: + Xây dựng bộ cẩm nang hướng dẫn về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã trong lĩnh	Hà Nội <i>Công văn số 4502/SNNMT-KHTC</i> Ngày 18/7/2025	Cục Quản lý Đề điều và Phòng, chống lụt bão

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	vực PCTT theo 03 giai đoạn: Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. + Sớm ban hành quy định, hướng dẫn về Luật Phòng thủ dân sự; hướng dẫn về việc thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp; hướng dẫn công tác phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, đơn vị và thành viên của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp để phân tách rõ vai trò, trách nhiệm của các đơn vị trong công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (là một bộ phận cấu thành của công tác phòng thủ dân sự). Đối với nội dung này, hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội còn gặp khó khăn vướng mắc liên quan đến số lượng biên chế của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã – Cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã còn mỏng (5-6 người bao gồm cả chỉ huy); vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho công tác PCTT và TKCN ở cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu đối với các sự cố, tình huống lớn, nghiêm trọng, cần sự trợ giúp từ cấp trên nên chưa đảm bảo được phương châm “4 tại chỗ”. + Ban hành quy định, hướng dẫn (hiện nay đang giao UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh) về mức chi, quy trình chi Quỹ Phòng chống thiên tai để thống nhất áp dụng chung cho cả nước. + Xây dựng cẩm nang quy định, hướng dẫn cụ thể về cách thức huy động, tổ chức, nhiệm vụ, chế độ của từng lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN ở cấp xã (như các lực lượng xung kích PCTT, dân quân tự vệ, tuần tra canh gác bảo vệ đê điều, quản lý đê nhân dân,...). Theo khoản 2, Điều 4 Thông tư 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước hợp nhất) quy định nhiệm vụ của lực lượng tuần tra, canh gác đê: " 2. Tuần tra, canh gác và thường trực trên các điểm canh đê, khi có báo động lũ từ cấp I trở lên đối với tuyến sông có đê.....". Tuy nhiên trước các ảnh hưởng, diễn biến thời tiết, thiên tai, sự cố có nhiều diễn biến bất thường gây nhiều ảnh hưởng cho sự an toàn của hệ thống đê điều; đề nghị bổ sung quy định, hướng dẫn việc huy động tăng cường lực lượng nêu trên khi có các tình huống thiên tai, sự cố xảy ra (không chỉ khi có báo động lũ). + Nghiên cứu, ban hành Quy chế mẫu về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp xã (thay thế Quyết định số 3808/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/9/2015); làm căn cứ để Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Quy chế cụ thể trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp khi triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.		

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
VII	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
7.1	Tại điểm b Khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; được sửa đổi bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 quy định: “ UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo UBND cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất cộng đồng; đại diện cơ quan tài chính, đầu tư và phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện ; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết)”. Đề nghị Trung ương sớm ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT-VP ngày 07/7/2025)	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới
7.2	Về thực hiện phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Chỉ có quy định phân bổ vốn tới các đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện; không có quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn tới UBND cấp xã. Do đó, đề nghị Trung ương sớm ban hành quy định mới để triển khai thực hiện nội dung này.	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT-VP ngày 07/7/2025)	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
7.3	Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Theo đó, Nghị quyết quy định việc công nhận đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 5424/BNN-VPĐP ngày 09/8/2023 và 267/BNN-VPĐP ngày 09/01/2024 về việc triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đối với các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp. Ngày 16/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 (Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 hết hiệu lực từ ngày 15/4/2025). Tuy nhiên, Nghị quyết số	Thanh Hóa Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	76/2025/UBTVQH15 không quy định việc công nhận đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành hướng dẫn quy định công nhận đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp.		
7.4	Tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP, trong đó trình tự đánh giá quy định: “Hội đồng cấp huyện tổ chức đánh giá, phân hạng các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao”. Tuy nhiên, theo chủ trương về sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, từ ngày 01/7/2025 kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện. Để có cơ sở tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP 03 sao, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành sửa đổi Quyết định số 148/QĐ-TTg.	Thanh Hóa <i>Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025</i>	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới
7.5	- Theo quy định tại Điều 42 và Điều 44 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và tổ chức đánh giá, lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ xét thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Để có căn cứ xem xét hồ sơ, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có Hướng dẫn về đánh giá Bộ tiêu chí xã nông thôn mới theo mô hình xã mới và xét thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Lý do: Thực hiện theo mô hình xã mới, một số tiêu chí nông thôn mới giai đoạn đến nay không phù hợp. Ví dụ: Tiêu chí Quy hoạch, trước kia thực hiện trên địa bàn 01 xã, hiện nay các xã mới được hình thành từ 2-3 xã (mỗi xã đều có quy hoạch riêng), do vậy tiêu chí quy hoạch đã không còn phù hợp đối với mô hình xã mới.	Cao Bằng <i>Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025</i>	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới
7.6	- Xem xét, điều chỉnh một số quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018, như sau: + Tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP quy định: UBND tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quy định mức chi đề hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn là không phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Cao Bằng <i>Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025</i>	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	và Luật tổ chức chính quyền địa phương. Đề nghị điều chỉnh một số nội dung “...; xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, quy định mức chi ...” thành “...; giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, quy định mức chi ...”. + Bổ sung quy định tại khoản 3, Điều 12, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP cụm từ sau: “...khảo sát, học tập kinh nghiệm tại các địa phương trong, ngoài tỉnh và các nước có liên quan...” - Ban hành hướng dẫn tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc đối với các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống để địa phương có cơ sở khi đánh giá, quyết định công nhận nghề truyền thống và làng nghề truyền thống.		
7.7	(2) Tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ) có quy định về tổ chức quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương như sau: “Ban quản lý xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban quản lý xã) được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng Ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan các chương trình mục tiêu quốc gia và đại diện các đoàn thể chính trị- xã hội và cộng đồng dân cư”. Tuy nhiên, hiện nay cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của cấp xã mới đã thay đổi, việc thành lập Ban quản lý xã để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo các thành phần như trên là chưa phù hợp. Do đó, kiến nghị Bộ hướng dẫn nội dung này để địa phương có cơ sở thực hiện.	Khánh Hòa Công văn số 806/SNNMT-PC ngày 18/7/2025	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới
7.8	Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang (trước khi sáp nhập) đã ban hành các Nghị quyết: (1) Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh. (2) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động (từ ngày 01/7/2025), số lượng đơn vị hành chính cấp xã đã thay đổi, không còn chính quyền 14 cấp huyện. Do vậy, không thể tiếp tục áp dụng “Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố” để thực hiện phân bổ các tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang (trước khi sáp nhập). Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, để các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.		
VIII	LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG		
8.1	Điểm c, khoản 1, phụ lục VI Nghị định số 136/2025/NĐ-CP - Khó khăn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Đề xuất: Chuyển thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính Lý do: Đảm bảo tính thời điểm, chuyên môn, trách nhiệm, đồng bộ khi giải quyết TTHC (hiện tại các TTHC lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đang giao cho cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết).	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường
8.2	Điểm c, khoản 2, phụ lục VI Nghị định số 136/2025/NĐ-CP - Khó khăn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ sung, sửa 5 đổi, cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Đề xuất: Chuyển thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến cơ quan chuyên	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính. Lý do: Đảm bảo tính thời điểm, chuyên môn, trách nhiệm, đồng bộ khi giải quyết TTHC (hiện tại các TTHC lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đang giao cho cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết).		
8.3	Tại điểm đ khoản 3 Điều 6 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có quy định về trình tự, thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước như sau: “Đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm bao gồm các thành viên có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm về lĩnh vực đánh giá, chỉ định;”. Tuy nhiên, hiện nay cán bộ chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong đánh giá cơ sở kiểm nghiệm; chưa từng tham gia đánh giá cơ sở kiểm nghiệm. Do đó, kiến nghị Bộ tổ chức tập huấn, hướng dẫn để địa phương triển khai thực hiện	Khánh Hòa Công văn số 806/SNNMT-PC ngày 18/7/2025	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường
8.4	Tại khoản 2 điều 29 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực chất lượng nông lâm sản và thủy sản phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện: * Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thì Bộ trưởng phân cấp cho Chủ tịch ủy ban nhân cấp tỉnh thực hiện. Để quản lý cho thống nhất thuận lợi hoạt động với bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, đề xuất phân cấp đối với các cơ sở có giấy phép đăng ký kinh doanh do cấp tỉnh cấp thì do Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. còn với các các cơ sở cấp xã cấp giấy phép đăng ký kinh doanh thì phân cấp do cấp xã cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. * Quy định Cấp, bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương.	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	Trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại mục 1 mục 2 Phụ lục VI ban hành theo Nghị định này. - Khó khăn, vướng mắc: Theo quy định trên thì việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến Cấp, bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thẩm quyền ký Giấy chứng nhận do Chủ tịch UBND tỉnh ký, trong khi đó thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 3 ngày. Vì vậy, để thuận tiện và tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị sửa đổi khoản 2, điều 29 theo hướng “Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”; Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có các văn bản chi tiết hướng dẫn các cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính được thuận lợi, nhanh chóng.		
IX	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI		
9.1	Tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định 151/2025/NĐ-CP quy định “c) Chấp thuận bằng văn bản về việc thoả thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm” thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tuy nhiên trong bộ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được công bố kèm theo Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 chưa có quy định đối với thủ tục này. Do vậy đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, bổ sung cho phù hợp với quy định.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Quản lý đất đai
9.2	Theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật đất đai quy định “5. Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất, đầu tư lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này” - Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định “Điều 8. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai và các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, bao gồm:	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	Chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai.”. Như vậy thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai Tuy nhiên tại khoản 10 Điều 20 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định “10. thời kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp xã là 5 năm” thì hằng năm UBND cấp tỉnh có phải trình HĐND thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai hay trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp xã (5 năm) trình thông qua HĐND chấp thuận danh mục công trình dự án thu hồi đất không? Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn để thực hiện đảm bảo theo quy định.		
9.3	Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 “b) Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai” thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tuy nhiên theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai: “3. Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm trong các trường hợp sau đây: 3 a) Các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này; b) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này mà có nhu cầu trả tiền thuê đất hằng năm; Vậy trường hợp dự án thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất hằng năm thì thẩm quyền “Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án” là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hay của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã? Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn để thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền.	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Quản lý đất đai
9.4	Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 10 Nghị định 151/2025/NĐ CP “d) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;” Vậy trường hợp được miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 39 Nghị định 103/2024/NĐ-CP “e) Miễn toàn bộ thời gian thuê đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thực hiện các dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.” có được xác định thuộc thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	chuyển mục đích sử dụng đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không? Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm có hướng dẫn, quy định cụ thể để thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền.		
9.5	<i>Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất</i> Theo quy định tại điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 133; điểm a, b khoản 2 Điều 136; khoản 5 Điều 227 của Luật Đất đai và tại tiết 1 Điểm I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất thì: <u>Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường ký hoặc trình cấp có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận; Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.</u> Tuy nhiên, tại Bước 5 của thủ tục số 5 điểm C. Thủ tục hành chính cấp xã thuộc Phần II thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được ban hành kèm theo Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quy định: “<u>Bước 5: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã: + Ký Giấy chứng nhận, trừ trường hợp người đề nghị gia hạn sử dụng đất không yêu cầu cấp mới Giấy chứng nhận; + Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.</u>” là chưa phù hợp với các quy định đã nêu ở trên.	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT- VP ngày 07/7/2025)	Cục Quản lý đất đai
9.6	<i>Đối với hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất</i> - Giải quyết thủ tục hành chính khi sáp nhập đơn vị hành chính: Việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh sẽ gặp một số khó khăn, bất cập trong việc giải quyết thủ tục hành chính như: thời gian, quy trình thực hiện, luân chuyển hồ sơ, đặc biệt là thời gian giải quyết thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tổ chức (thời gian thực hiện 01 ngày trong trường hợp không lập cơ sở 2 tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk (tỉnh Phú Yên cũ)). Việc xác nhận nội dung biến động, đóng dấu kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên Giấy chứng nhận gốc. Như vậy, thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính nêu trên mà tổ chức thuộc	Đắk Lắk (Công văn 062/SNNMT- VP ngày 07/7/2025)	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	địa bàn tỉnh Phú Yên (trước khi sáp nhập) sẽ không bảo đảm thời gian thực hiện theo quy định. - Một số trường hợp được xác nhận trên Giấy chứng nhận về việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định Luật Đất đai 2013, hiện nay đã hết thời gian góp vốn hoặc có thỏa thuận dừng việc góp vốn giữa 2 bên. Tuy nhiên, tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và Thông tư 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục, nội dung xác nhận chính lý trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp xóa góp vốn quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với Trường hợp quy định tại Mục 2 (<i>Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê thì nộp hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự</i>) và Mục 10 (<i>Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp</i>) Phần II. 2 của “Phần B. HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công việc quy định tại Mục 3 Phần VI; thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của bên chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, chưa có quy định về việc ký hợp đồng thuê đất với pháp nhân mới hình thành của bên nhận chuyển quyền, bên sáp nhập, ... dẫn đến khó khăn trong việc quản lý và theo dõi.		
9.7	Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về việc xác định loại đất nông thôn và đất đô thị sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, nhằm đảm bảo thống nhất trong quản lý và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai tại địa phương.	Lạng Sơn Báo cáo số 502/BC- SNNMT ngày 08/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.8	Đề nghị quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các địa phương; đồng thời đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn chuyên môn, nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường và khoáng sản...Kiến nghị thiết lập kho dữ liệu, tài liệu, video hướng dẫn, mẫu biểu, quy trình... trên nền tảng trực tuyến để truy cập, để địa phương chủ động	Lạng Sơn Báo cáo số 502/BC- SNNMT ngày 08/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	khai thác phục vụ công tác triển khai, tuyên truyền và hỗ trợ người dân thực hiện.		
9.9	- Theo quy định tại điểm d, khoản 4 Điều 21 Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì các Điều 11, 12 và 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện hồ sơ giao đất, cho thuê đất các dự án có chuyển đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp; theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP thì trong trường hợp này người được nhà nước giao đất, cho thuê đất khi xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Về hồ sơ, trình tự thẩm định phương án tầng đất mặt; việc nộp tiền và trình tự, thủ tục nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa được quy định tại Điều 11, 12 và 13 Nghị định 112/2024/NĐ-CP. Tại Điều 2 của Mẫu số 06 (Quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất/giao đất và giao rừng/cho thuê và cho thuê rừng) ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 có quy định việc xác định nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Tuy nhiên, tại điểm d khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 đã bãi bỏ các Điều 11, 12, 13 Nghị định 112/2024/NĐ-CP và Nghị định số 151 cũng không có quy định hướng dẫn bổ sung hay thay thế các Điều 11,12 và 13 Nghị định số 112 nêu trên dẫn đến việc về quy định thì phải lập phương án tầng đất mặt, xác định và nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trong trường hợp dự án có chuyển đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp nhưng về hồ sơ, quy trình thẩm định, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án, cơ quan xác định số tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa phải nộp và thời điểm nộp tiền...hiện chưa có quy định để thực hiện (do các Điều 11,12 và 13 Nghị định 112 đã bị bãi bỏ như đã nêu ở trên).	Hà Tĩnh <i>Công văn số 3550/SNNMT -TCCB ngày 08/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.10	- Tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định 151/2025/NĐ-CP quy định “c) Chấp thuận bằng văn bản về việc thoả thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm” thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tuy nhiên trong bộ thủ tục hành chính	Hà Tĩnh <i>Công văn số 3550/SNNMT -TCCB ngày 08/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	lĩnh vực đất đai cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được công bố kèm theo Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 chưa có quy định đối với thủ tục này; do đó, đề nghị xem xét, bổ sung cho phù hợp với quy định.		
9.11	- Về thẩm quyền quyết định bảng giá đất giữa Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ còn có sự chồng chéo, cụ thể: Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 16/6/2025) thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025) thì thẩm quyền quyết định bảng giá đất thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Hà Tĩnh <i>Công văn số 3550/SNNMT-TCCB ngày 08/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.12	Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hướng dẫn cụ thể đối với các nội dung sau của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP. - Những hồ sơ thiết lập trước ngày Nghị định số 151/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, các tên gọi như: khóm, ấp bị trùng khi sắp xếp lại xã, phường, thị trấn, hiện tại chưa có quy định hướng dẫn nên việc hướng dẫn người sử dụng đất gặp nhiều khó khăn. Việc tách thửa đất, hợp thửa đất sau sắp xếp lại đơn vị hành chính ảnh hưởng đến công tác đo đạc, thiết lập hồ sơ cho người sử dụng đất và chưa ban hành đơn giá dịch vụ, phí, lệ phí vì vậy việc thu và xuất hóa đơn cũng chưa đảm bảo tính pháp lý. - Trường hợp người sử dụng đất không đồng thời là chủ sử dụng theo Thông tư 23/2025/TT-BTNMT ngày 02/6/2025, khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai thì chưa có quy định chỉnh lý Giấy chứng nhận của bên cho thuê đất. - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP chưa có quy định mẫu đơn xin xác nhận lại thời hạn sử dụng đất nông nghiệp. - Đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai, chi phí đo đạc do Nhà nước đảm bảo kinh phí. Tuy nhiên, việc tách thửa đất, hợp thửa đất là do nhu cầu của người sử dụng đất nên xét thấy chi phí đo đạc là do người sử dụng đất chi trả. - Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng bảng giá đất để chuyển thông tin thực hiện nghĩa vụ tài chính (vì hiện nay thành phố Cần Thơ đang tồn tại 3 bảng giá đất). - Bên cạnh đó, hệ thống liên thông thuế hiện tại vẫn chưa vận hành được, nên việc xử lý phiếu chuyển thông tin để thực hiện nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện được dẫn đến hồ sơ bị tồn	Cần Thơ <i>Công văn số 49/SNNMT-VP ngày 11/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	động nhiều từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất.		
9.13	Theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất ở gồm: Đất ở tại nông thôn và Đất ở tại đô thị; Khoản 1, Điều 12 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định cụ thể giá các loại đất trong đó có: Giá đất ở tại nông thôn và Giá đất ở tại đô thị. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc xác định đất ở đô thị đối với trường hợp thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính thị trấn mà nay sắp xếp thành đơn vị hành chính xã.	Thanh Hóa Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.14	Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 đến nay vẫn có hiệu lực thi hành theo quy định tại Khoản 1, Điều 257 Luật Đất đai. Theo đó, nội dung Bảng giá đất được sắp xếp theo đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc áp dụng Bảng giá đất hoặc sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để áp dụng sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp.	Thanh Hóa Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.15	Đối với Nghị định số 151/2025/NĐ-CP đã ban hành về việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp: - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP phân quyền rất lớn cho cấp xã trong lĩnh vực quản lý đất đai trong khi thực tế nguồn lực thực thi ở các xã là không giống 2 nhau, có sự chênh lệch lớn giữa các xã phát triển, các xã đồng bằng với các xã miền núi gặp nhiều khó khăn (thiếu nhân lực, kinh phí, công nghệ để thực hiện). Vì vậy dễ dẫn đến chậm trễ, sai sót trong xử lý hồ sơ, đặc biệt là công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý đất đai. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ cấp xã đảm bảo tốt nhiệm vụ được giao, phân bổ ngân sách hỗ trợ địa phương thực hiện phân quyền.	Thanh Hóa Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.16	- Tại mục 2, Điều 22, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP: Các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp được tiếp tục sử dụng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 trên địa bàn hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp để làm căn cứ thực hiện các nhiệm vụ quản lý	Thanh Hóa Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	nhà nước về đất đai cho đến khi hoàn thành công tác rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo các đơn vị hành chính mới. Sau sáp nhập địa giới, cấp xã mới chưa có hướng dẫn cụ thể về thời điểm bắt đầu lập kế hoạch sử dụng đất định kỳ 05 năm một lần (thay vì lập hàng năm như trước đây). Vì vậy, việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2026 chưa có cơ sở để thực hiện. Đề nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn cấp xã về thời gian thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đai, kế hoạch sử dụng đất đai sau khi sáp nhập địa giới hành chính, vận hành bộ máy chính quyền cấp xã mới.		
9.17	Tại Điều 3, thông tư số 23/2025/TT-BNNMT đã ban hành về việc quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành hướng dẫn việc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện bằng phần mềm TKKK2024. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của cấp xã, cấp tỉnh được tổng hợp và giao nộp trên phần mềm TKKK2024 tại địa chỉ https://tk.gdla.gov.vn. Tuy nhiên, phần mềm TKKK 2024 còn một số bất cập cần khắc phục như: Bản đồ khoanh đất năm 2024 không cập nhật được lên phần mềm TKKK 2024 do đường địa giới hành chính sau khi sáp nhập cấp xã, cấp tỉnh không còn trùng khớp với đường địa giới đã thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai nhật địa giới hành chính mới nhất lên phần mềm TKKK 2024, đảm bảo tiến độ công tác thực hiện kiểm kê đất đai.	Thanh Hóa <i>Công văn số 7343/SNNMT -TCCB ngày 07/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.18	<i>Vướng mắc trong việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác</i> Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 151/NĐ-CP quy định: “Điều 8. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ...	Cao Bằng <i>Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	3. Chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai”. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cụ thể Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác bằng Quyết định hành chính hay văn bản cho chủ trương thực hiện?		
9.19	Việc bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất cấp xã Theo quy định tại Khoản 10, Điều 20, Nghị định số 151/NĐ-CP quy định: <i>“10. Thời kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp xã là 05 năm”</i> Trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không tránh khỏi việc phát sinh các dự án, công trình nhỏ lẻ; phát sinh thêm diện tích khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng (các phát sinh này không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt). Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các dự án, công trình phát sinh này.	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.20	Theo điểm d khoản 1 điều 9 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP thẩm quyền của UBND tỉnh phân quyền, phân cấp cho chủ tịch UBND tỉnh: <i>"d) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai;"</i> Nhưng tại điểm b khoản 3 Điều 10 quy định thẩm quyền của UBND tỉnh phân quyền, phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã: <i>"b) Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai;"</i> Như vậy, có sự chồng chéo về thẩm quyền không? Vì điểm c, điểm c khoản 1 Điều 123: Chủ tịch UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất đối với gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; cho thuê đất đối với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Tuy nhiên, tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc VN định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được lựa chọn chuyển sang thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Đất đai năm 2024.	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
9.21	Theo điểm m khoản 1 điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện chuyển giao cho Chủ tịch UBND cấp xã: “m) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai;” Nhưng tại điểm d khoản 1 điều 9 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền của UBND cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh: “d) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai;” Như vậy, có sự chồng chéo về thẩm quyền giữa thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã và Chủ tịch UBND cấp tỉnh đối với điểm c khoản 1 Điều 123.	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.22	Tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151 quy định: “3. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, ... a) Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai;” - Tại khoản 5 Điều 118 Luật Đất đai năm 2025 quy định: “Điều 118. Giao đất không thu tiền sử dụng đất 5. Cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 213 của Luật này.” - Tại mục 3 phần I thuộc phần V quy định: “3. Đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu thì người yêu cầu đăng ký lựa chọn nơi nộp hồ sơ như sau: b) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì được lựa chọn nơi nộp hồ sơ quy định tại điểm a hoặc điểm b Mục 1 Phần I này.” Như vậy, đối với hồ sơ đăng ký đất đai lần đầu khi tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo có nhu cầu cấp GCN thì gửi hồ sơ đến Bộ phận một cửa hoặc Văn phòng đăng ký đất đai. Tuy	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	nhiên, theo quy định của Luật Đất đai, việc Đăng ký, cấp GCN lần đầu đối với tổ chức là cơ quan quản lý đất đai mà trong Nghị định số 151 không quy định phân cấp, phân quyền cụ thể. Vậy đối với hồ sơ này, có được hiểu là Văn phòng đăng ký đất đai sẽ tiếp nhận và thụ lý hồ sơ hay cơ quan nào?		
9.23	Kiến nghị của UBND xã Trà Linh, tỉnh Cao Bằng - Theo Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tại thủ tục "Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất" có quy định "Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký Giấy chứng nhận". - Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 133 và khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 thì chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp đã có Giấy chứng nhận thuộc trường hợp đăng ký biến động đất đai và việc cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp thuộc thẩm quyền của Tổ chức đăng ký đất đai (<i>Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</i>). Do vậy, đề nghị xem lại quy định về việc cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký Giấy chứng nhận trong trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất.	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.24	Kiến nghị của UBND Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng 1.7.1. Về việc sử dụng biểu mẫu và thành phần hồ sơ trong thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu Căn cứ khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “4. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: a) Khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP; b) Khoản 5 và khoản 11 Điều 9; khoản 1 Điều 19; khoản 3 Điều 20; các Điều 21, 22, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 60; các Mẫu	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	số 01/ĐK, 02/ĐK, 03/ĐK, 04/ĐK, 05/ĐK, 06/ĐK, 07/ĐK, 08/ĐK, 09/ĐK, 10/ĐK, 11/ĐK, 12/ĐK, 14/ĐK Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;” Như vậy, kể từ ngày Nghị định số 151/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, các quy định về việc thành lập Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu cũng như hệ thống biểu mẫu về thủ tục đăng ký đất đai được ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đều chấm dứt hiệu lực. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP chưa ban hành đầy đủ các biểu mẫu thay thế tương ứng, gây khó khăn trong việc tiếp nhận, thẩm định, xác minh nguồn gốc đất, đặc biệt là đối với các trường hợp không có giấy tờ trong quy trình đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. - Kiến nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hệ thống biểu mẫu thống nhất, cụ thể hóa theo quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, tính chất sử dụng ổn định, tình trạng tranh chấp (nếu có)....., đồng thời quy định rõ thành phần tham gia kiểm tra, xác minh, bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý, tăng tính minh bạch, thống nhất trong áp dụng và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan cấp cơ sở trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu		
9.25	Về thẩm quyền ký biểu mẫu trong quy trình đăng ký đất đai - Theo quy định tại một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (như Mẫu số 17: Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận...), nội dung yêu cầu phải do Lãnh đạo UBND cấp xã/phường ký xác nhận. Trong khi đó, toàn bộ quá trình kiểm tra, rà soát, đối chiếu hồ sơ, xác minh thực địa... đều do cán bộ chuyên môn của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị trực tiếp thực hiện. Việc quy định Lãnh đạo UBND phường ký các biểu mẫu trong quy trình có thể làm chậm tiến độ giải quyết hồ sơ, đặc biệt trong điều kiện số lượng hồ sơ tăng và mô hình tổ chức chính quyền 2 cấp vừa được kiện toàn. - Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, phân quyền hợp lý cho cơ quan chuyên môn (phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã/phường) được ký xác nhận đối với một số nội dung kỹ thuật, chuyên môn trong hồ sơ đăng ký đất đai nhằm rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời vẫn đảm bảo sự kiểm tra, giám sát của UBND phường trong từng giai đoạn.	Cao Bằng Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
9.26	Về việc thông qua kế hoạch sử dụng đất cấp xã - Tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp xã: “Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.” Tuy nhiên, qua rà soát thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã, hiện không có nội dung nào quy định việc kế hoạch sử dụng đất cấp xã phải được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình thẩm định, phê duyệt. - Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến hướng dẫn làm rõ việc kế hoạch sử dụng đất cấp xã có bắt buộc phải được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua hay không, đồng thời bổ sung quy định cụ thể vào trình tự, thành phần hồ sơ nếu cần thiết.	Cao Bằng <i>Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.27	- Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ <i>quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai</i> (và Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) <i>về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</i> <u>Có nội dung như sau:</u> 3. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, trừ trường hợp dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, bao gồm: a) Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai; b) Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai; c) Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm; d) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; <u>Nội dung thứ 1:</u> Đối với quy định nêu trên xin được hỏi, đối với các tổ chức thuê đất thuộc trường hợp trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì không thuộc thẩm quyền phân cấp cho Chủ tịch UBND xã thực hiện, tuy nhiên, đối với dự án mà thuộc trường hợp trả tiền thuê đất một lần cho cả thời	Lai Châu	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	gian thuê nhưng lại được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê (thuộc địa bàn tỉnh Lai Châu) thì có thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã ko? Vì quy định ngay tại khoản 3 Điều 10 đã trừ trường hợp cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.		
9.28	<u>Nội dung thứ 2:</u> Theo quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật Đất đai quy định đối với các trường hợp Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, cụ thể: a) Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; b) Sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; sử dụng đất thương mại, dịch vụ để hoạt động du lịch, kinh doanh văn phòng; c) Sử dụng đất để xây dựng nhà ở xã hội cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở. <u>Tuy nhiên</u>, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai quy định “b) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này mà có nhu cầu trả tiền thuê đất hằng năm;” Như vậy xin được hỏi: Nếu đối với các tổ chức mà sử dụng đất thuộc đối tượng Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh nhưng nếu tổ chức đó lựa chọn việc thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì có thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã ko?	Lai Châu	Cục Quản lý đất đai
9.29	<u>Nội dung thứ 3:</u> Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì quy định rất rõ các dự án đầu tư nào được miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê. Tuy nhiên, đối với các dự án chỉ được miễn tiền sử dụng đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này (có trường hợp lại được Miễn toàn bộ thời gian thuê đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thực hiện các dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 39 Nghị định này, như vậy có được hiểu là dự án được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê để thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã ko?	Lai Châu	Cục Quản lý đất đai
9.30	Hội đồng Đăng ký đất đai lần đầu Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 101/2024/NĐ-	Hải Phòng	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thành lập Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu để tham mưu thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP. Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai thì Điều 33 Nghị định 101/2024/NĐ-CP đã hết hiệu lực. Việc xác định nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận lần đầu gặp khó khăn do chưa có hướng dẫn cụ thể, Luật Đất đai năm 2024 chưa được sửa đổi, điều chỉnh theo nhiệm vụ của chính quyền 02 cấp.	<i>Công văn số 3800/SNNMT -VP ngày 09/7/2025</i>	
9.31	Về thời gian thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu: Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Ủy ban nhân dân các cấp xã cần thực hiện các nội dung: - Xác nhận hiện trạng sử dụng đất, có hay không có nhà ở, tình trạng tranh chấp đất đai, việc sử dụng đất ổn định, trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất xác nhận thêm nguồn gốc sử dụng đất; - Kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch. - Niêm yết công khai kết quả kiểm tra rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân các cấp xã, khu dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày. - Đối với trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành thông báo kết quả đăng ký đất đai chuyển đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký. - Trường hợp đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân các cấp xã gửi phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai tới cơ quan thuế để xác định và thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính; - Sau khi nhận được thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính từ cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận cho công dân theo quy định. Như vậy, trong thời gian không quá 20 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiều thủ tục liên quan nên không đảm bảo tiến độ thời gian thực hiện theo quy định.	Hải Phòng <i>Công văn số 3800/SNNMT -VP ngày 09/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.32	Phản mềm in Giấy chứng nhận Trước khi sáp nhập, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền	Hải Phòng	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lần đầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hiện nay theo phân cấp chính quyền 02 cấp sau sát nhập thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lần đầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã. Tuy nhiên cán bộ chuyên môn của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị chủ yếu là cán bộ địa chính các xã phường trước sát nhập chưa được đào tạo tập huấn về sử dụng phần mềm để in Giấy chứng nhận.	Công văn số 3800/SNNMT -VP ngày 09/7/2025	
9.33	Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai: “Thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật đất đai, khoản 7 Điều 12 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP do UBND cấp xã thực hiện” Đối với quy định này, trong quá trình thực hiện thì UBND xã gặp khó khăn, vướng mắc khi xác định căn cứ, tiêu chí, điều kiện để quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cho từng Dự án; trường hợp Dự án thuộc địa bàn nhiều xã sẽ xảy ra tình trạng biện pháp, mức hỗ trợ khác sẽ khác nhau, không đảm bảo được tính thống nhất, thuận lợi cho công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án. Đề xuất: Thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể.	Hải Phòng Công văn số 3800/SNNMT -VP ngày 09/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.34	Tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai: <i>“Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về nội dung quy định tại các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai như sau:</i> <i>b, Ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi đã được người sử dụng đất và đơn vị đo đạc ký xác nhận”.</i> Đối với quy định này, khi triển khai thực hiện thì cơ quan quản lý đất đai cấp xã gặp khó khăn khi kiểm tra yêu cầu kỹ thuật đối với kết quả trích đo của đơn vị đo đạc và thực hiện thu	Hải Phòng Công văn số 3800/SNNMT -VP ngày 09/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	phí, lệ phí (nếu có) liên quan tới việc thẩm định, xác nhận kết quả trích đo. Đề xuất: Ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi đã được người sử dụng đất và đơn vị đo đạc ký xác nhận.		
9.35	Cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích tăng thêm chưa được cấp giấy chứng nhận và cấp đổi Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất đã có công trình xây dựng vượt hạn mức đất ở đã được cấp Hiện nay, nhiều chủ sử dụng đất khi đo đạc, trích lục, trích đo thửa đất để thực hiện các quyền của người sử dụng đất (như: cấp đổi, tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng...) đã phát hiện diện tích công trình xây dựng vượt quá so với diện tích đất ở đã được cấp hoặc tự xây dựng công trình ngoài ranh giới đã được cấp Giấy chứng nhận. Phần diện tích này cơ bản đã tồn tại từ nhiều năm trước nhưng chưa có chế tài xử phạt vi phạm hành chính. Đối chiếu với quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai liên quan đến thời hạn, thời hiệu xử phạt, hầu hết các trường hợp trên chưa được cấp có thẩm quyền xử phạt. Căn cứ Điều 139 Luật Đất đai năm 2024 quy định về giải quyết đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: Đối với các công trình có vi phạm trước ngày 01/7/2014 được xem xét cấp Giấy chứng nhận và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 139 kể từ ngày 01/7/2014 trở về sau thì Nhà nước không cấp Giấy chứng nhận và xử lý theo quy định của pháp luật. Hiện nay, khó xác định được thời điểm xây dựng công trình, việc xây dựng các công trình do người dân tự ý thực hiện, công tác quản lý đất đai, xây dựng chưa chặt chẽ dẫn đến việc hộ gia đình, cá nhân thực hiện các quyền của người sử dụng đất thuộc trường hợp nêu trên chưa có biện pháp tháo gỡ.	Hải Phòng <i>Công văn số 3800/SNNMT-VP ngày 09/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.36	Ngày 23/6/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Bộ TTHC). Tuy nhiên trong quá trình	Thái Nguyên <i>Công văn số 200/SNNMT-</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	rà soát xây dựng quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên nhận thấy có 07 thủ tục hành chính về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã được quy định về thẩm quyền và trình tự, thủ tục tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ nhưng chưa được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố trong Bộ TTHC và 01 TTHC chưa được quy định về trình tự, thủ tục tại nghị định số 151/2025/NĐ-CP, gồm: <i>* 07 thủ tục hành chính về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã được quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP:</i> 1. Trình tự, thủ tục Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. 2. Trình tự, thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất 3. Trình tự, thủ tục góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án đầu tư. 4. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp. 5. Trình tự, thủ tục Hủy kết quả đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp. 6. Trình tự, thủ tục Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu bằng phương tiện điện tử. 7. Trình tự, thủ tục Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất bằng phương tiện điện tử. <i>* 01 thủ tục hành chính về đất đai chưa được quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và chưa được công bố tại Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:</i> Thủ tục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 227 Luật Đất đai (đối với trường hợp phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép mà không thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất) thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã. Vì vậy đề có căn cứ tham mưu cho UBND tỉnh công bố đầy đủ danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét công bố đối với các TTHC nêu trên.	QLĐ ngày 11/7/2025	
9.37	Về thẩm quyền ký lại Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm Tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật	Thái Nguyên Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	Đất đai. Trường hợp tổ chức kinh tế đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm trước ngày 01/7/2025 và Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất theo đơn giá 05 năm. Sau 05 năm cơ quan thuế xác định lại đơn giá thuê đất và tổ chức kinh tế đề nghị ký lại Hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay do quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hằng năm thuộc Chủ tịch UBND cấp xã thì việc ký lại Hợp đồng thuê đất thuộc thẩm quyền của tổ chức, cá nhân nào?		
9.38	Về thẩm quyền ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định thẩm quyền cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do cơ quan chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh thực hiện. Căn cứ quy định trên, đối với trường hợp tổ chức kinh tế đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất trước ngày 01/7/2025, cơ quan thuế đã xác nhận hoàn thành nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thì hiện nay thẩm quyền ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất là Chủ tịch UBND tỉnh hay cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh?	Thái Nguyên <i>Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.39	Về thẩm quyền điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh Tại Mục III và Mục IV, Phần III, Phụ lục I, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định: “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</i>”. Tuy nhiên, tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 không quy định thẩm quyền thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Như vậy, đối với trường hợp tổ chức đã được UBND tỉnh thuê đất trả tiền hàng năm, giao đất không thu tiền, được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất trước ngày 01/7/2025 thì khi phát sinh thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của cấp nào?	Thái Nguyên <i>Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.40	Về thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức - Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (được đính chính khoản 2 Điều 1 tại Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thì thẩm quyền của Ủy ban nhân dân	Thái Nguyên <i>Công văn số 200/SNNMT-</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai và các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, bao gồm: “<i>d) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai, trừ các trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này</i>”. - Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (được đính chính tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, trừ trường hợp dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, bao gồm: b) Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai;” Như vậy, về thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất tổ chức quy định tại Điều 121 Luật Đất đai thì không phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã. Tuy nhiên trên thực tiễn phát sinh trường hợp dự án khai thác khoáng sản thuộc trường hợp được Nhà nước thu hồi đất (quy định tại khoản 25 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024) nhưng do Nhà đầu tư đề xuất sử dụng đất thông qua thỏa thuận nhận chuyển nhượng, không đề xuất thu hồi đất (được lựa chọn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai). Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 120 và điểm k khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai thì dự án sử dụng vào mục đích khoáng sản thuộc trường hợp thuê đất trả tiền hằng năm. Vậy, thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp tỉnh hay Chủ tịch UBND cấp xã? Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, giải đáp làm rõ về phân cấp, phân quyền đối với trường hợp nêu trên.	QLĐ ngày 11/7/2025	
9.41	Về danh mục thu hồi đất Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp: “<i>Chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai.</i>” Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024 thì UBND cấp tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất	Thái Nguyên Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch... Như vậy việc phân cấp chưa đồng bộ. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu đề xuất việc phân quyền đồng bộ danh mục phải thu hồi đất như đối với trường hợp chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.		
9.42	<i>Vướng mắc về cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất.</i> Theo quy định tại khoản 3 Điều 135 Luật đất đai năm 2024 đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cho thuê đất, <u>ký hợp đồng thuê đất</u> . Tuy nhiên, theo quy định tại điểm h, số thứ tự 01, mục I, Phần III, Phụ lục I Nghị định 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ (được đính chính tại số thứ tự 3 phụ lục kèm theo Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thì: “...h) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường ký hoặc trình cấp có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận và thực hiện các công việc quy định tại khoản 4 Điều 228 Luật Đất đai mà không ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất; việc bàn giao đất/bàn giao rừng trên thực địa thực hiện theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Nghị định này;...” Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai và ký cấp Giấy chứng nhận và thực hiện các công việc quy định tại khoản 4 Điều 228 Luật Đất đai mà không ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn làm rõ hơn việc tại sao không phải ký hợp đồng thuê đất đối với các trường hợp cho thuê đất theo các quy định nêu trên.	Thái Nguyên <i>Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.43	<i>Về thủ tục chấp thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội</i> - Tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định 151/2025/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà <u>được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê</u> . - Tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định 151/2025/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà <u>được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm</u> . Tuy nhiên, tại mục I Phần VII Phụ lục I kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP quy định:	Thái Nguyên <i>Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	“I. Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư 1. Tổ chức kinh tế gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất. 2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. ...5. Căn cứ văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức kinh tế thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định....” Theo đó không có hướng dẫn cụ thể đến trình tự thực hiện tại cấp xã theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định 151/2025/NĐ-CP. Đồng thời văn quy định là UBND tỉnh không phải Chủ tịch UBND tỉnh. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cụ thể để địa phương nghiên cứu, thực hiện và làm cơ sở để tham mưu ban hành văn bản theo đúng thẩm quyền quy định.		
9.44	Về thẩm quyền giao đất Trước ngày 01/7/2025, UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định giao đất cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp với hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất. Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư dự án có sử dụng đất trong Khu công nghiệp, UBND tỉnh quyết định cho thuê đất đối với các nhà đầu tư để thực hiện dự án trong Khu công nghiệp, với hình thức thu tiền thuê đất thuê đất một lần. Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về thẩm quyền quyết định giao đất cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đối với trường hợp nêu trên.	Thái Nguyên Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.45	Về áp dụng điều khoản chuyển tiếp Tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định 151/2025/NĐ-CP quy định: “d) Trường hợp tổ chức thực hiện định giá đất, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đang thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa kết thúc nhiệm vụ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể.”. Tuy nhiên việc định giá đất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phân cấp do UBND cấp huyện theo Luật Đất đai năm 2024, nay lại đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Đề nghị hướng dẫn làm rõ hơn về nội dung này.	Thái Nguyên Công văn số 200/SNNMT-QLĐ ngày 11/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
9.46	Theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai: Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của cấp huyện (tỉnh Ninh Thuận trước đây) được phê duyệt vào năm 2022 và tiếp tục được các huyện triển khai điều chỉnh, cập nhật quy hoạch giai đoạn 2025-2030 theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm hợp nhất 02 tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện mới trong giai đoạn lấy ý kiến hoàn thiện, chưa được phê duyệt và hiện nay, theo quy định tại Điều 14 và Điều 19 của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì trách nhiệm này do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, trong đó cần thực hiện việc lập, cập nhật quy hoạch sử dụng đất 05 năm để bổ sung, cập nhật các công trình, dự án có sự điều chỉnh so với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt năm 2022. Do quy hoạch sử dụng đất cấp xã chưa được phê duyệt nên chưa có cơ sở pháp lý để triển khai các dự án đầu tư mới của tỉnh theo quy định.	Khánh Hòa Công văn số 806/SNNMT-PC ngày 18/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.47	a) Đối với đất trồng lúa Theo quy định tại Điều 182 Luật đất đai năm 2024 thì người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp một khoản tiền theo quy định của pháp luật để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng. Nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa. Căn cứ điểm d Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 và không có nội dung sửa đổi hoặc thay thế. Như vậy, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa còn phải nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điều 182 Luật Đất đai năm 2024 nữa hay không?	Lào Cai Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.48	Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về việc chuyển tiếp về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như sau: Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp 2. Các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp được tiếp tục sử dụng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của	Lào Cai Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 trên địa bàn hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp để làm căn cứ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai cho đến khi hoàn thành công tác rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo các đơn vị hành chính mới. Với quy định nêu trên, các đơn vị hành chính cấp xã được tiếp tục sử dụng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ nay đến khi hoàn thành công tác rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo các đơn vị hành chính cấp xã mới mà trên địa bàn các xã, phường có phát sinh các công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất thuộc trường hợp phải đưa vào kế hoạch sử dụng đất để triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai thì trong nội dung chuyển tiếp chưa có hướng dẫn đối với nội dung này. Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, có quy định xử lý đối với các công trình, dự án nhu cầu sử dụng đất phát sinh nhằm phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh.		
9.49	Về giao đất, cho thuê đất Theo quy định tại Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai đối với các trường hợp thuê đất thì không phải ký Hợp đồng thuê đất, tuy nhiên đối với các tổ chức thuê đất trả tiền hàng năm đã được Nhà nước cho thuê đất trước 01/7/2025 và đã ký Hợp đồng thuê đất theo quy định, nay đến thời điểm ký lại phụ lục hợp đồng do điều chỉnh đơn giá thuê đất ổn định cho chu kỳ 05 năm tiếp theo thì có tiếp tục ký phụ lục hợp đồng không và cấp nào thực hiện (cấp tỉnh hay chuyển về cấp xã).	Lào Cai <i>Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.50	Về lĩnh vực đăng ký đất đai a) Về thực hiện Thông tư số 23/2025/TT-BTNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, trong đó liên quan đến thực hiện việc chỉnh lý số thứ tự tờ bản đồ Sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, số thứ tự tờ bản đồ, số thửa đất tại các xã mới chưa được đánh lại, dẫn đến Số tờ bản đồ, số thửa đất trên bản đồ báo trùng. Dẫn đến khó khăn trong công tác cập nhật chỉnh lý bản đồ địa chính theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, cụ thể: + Việc điều chỉnh số tờ bản đồ phải bắt buộc	Lào Cai <i>Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	chỉnh sửa hồ sơ gốc Giấy chứng nhận, tiềm ẩn ảnh hưởng đến pháp lý cho người sử dụng đất. + CSDL đất đai vẫn quản lý theo mã xã, số tờ cũ; nếu thay đổi số tờ phải cập nhật toàn bộ dữ liệu, dễ phát sinh sai sót, mất mát, chòng lún thông tin. b) Việc phân quyền cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực thực hiện thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động được quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 Một số Chi nhánh khu vực còn thiếu nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện toàn bộ quy trình cấp GCN hoặc xử lý các hồ sơ phức tạp.		
9.51	Trong quá trình triển khai thực hiện quy định của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Còn có những nội dung mà địa phương chưa rõ và có những cách hiểu khác nhau, đề nghị được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thống nhất, làm rõ hoặc chỉnh sửa bổ sung để địa phương áp dụng như: (1) Tại Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP phân cấp thẩm quyền Quyết định cho thuê đất trả tiền hằng năm cho Chủ tịch UBND cấp xã. Tuy nhiên đối với trường hợp quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà hình thức sử dụng sau khi chuyển mục đích là cho thuê đất thu tiền sử dụng đất hằng năm thì chưa quy định cụ thể. Đề nghị Bộ hướng dẫn để địa phương thực hiện, có thể căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP để xác định thẩm quyền quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp xã hay không? (2) Đề nghị Bộ hướng dẫn về trình tự, thủ tục xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã theo như quy định về phân quyền, phân cấp tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT không có thủ tục này). (3) Tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: “c) Quyết định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP;”	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	-Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định: “2. Thẩm quyền quyết định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.” Như vậy, thì việc quyết định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất đang có 02 thẩm quyền, đó là cấp tỉnh, cấp xã. Do đó đang có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. (4) Tại Điều 11 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh: “1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.		
9.52	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất của các công ty nông, lâm nghiệp được tiếp tục sử dụng theo phương án đã được phê duyệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai.” - Tại điểm c, khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai năm 2024 quy định thẩm quyền của UBND tỉnh: “c) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất công ty nông, lâm nghiệp được tiếp tục sử dụng theo phương án đã được phê duyệt”. Hiện nay, đang có hai cách hiểu: - Thứ nhất: Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. Để tránh hiểu sai, đề nghị sửa bỏ cụm từ “quy định tại điểm c khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai” hoặc sửa cụm từ trên thành “quy định tại điểm b khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai”. - Thứ 2: Nội dung khoản 2 Điều 11 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP không phân quyền nhưng lại thuộc Điều 11 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP phân quyền cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (UBND tỉnh cấp GCN theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai) thì chưa phù hợp. 1.1.2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực đất đai tại địa phương, nội dung này Sở Nông	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	ng nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Giang (cũ) đã có Văn bản số 1005/SNNMT QLDD ngày 04/6/2025 xin ý kiến Bộ hướng dẫn đến nay chưa có nhận văn bản hướng dẫn.		
9.53	Về chuyển mục đích sử dụng đất Thực tế hiện nay nhiều địa phương đang triển khai thực hiện các dự án thuộc trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, thu hồi đất; căn cứ hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất của chủ đầu tư, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trước khi quyết định giao đất, cho chủ đầu tư thuê đất thực hiện dự án. Việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp này còn chưa được thống nhất. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến hướng dẫn đối với các trường hợp nêu trên có phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trước khi quyết định giao đất, cho chủ đầu tư thuê đất thực hiện dự án hay không.	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.54	Vướng mắc về trình tự, thủ tục đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan có thẩm quyền Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 của Luật Đất đai năm 2024 là một trong các trường hợp đăng ký biến động được quy định tại Điều 133 của Luật Đất đai năm 2024, thẩm quyền thực hiện đăng ký biến động được quy định tại khoản 2 điều 136 luật đất đai năm 2024 là do tổ chức đăng ký đất đai. Tuy nhiên, Theo quy định về trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại điểm h, mục I, phần III, phụ lục 1 Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định. “.....Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường ký hoặc trình cấp có thẩm quyền ký giấy chứng nhận và thực hiện các công việc quy định tại Khoản 4 Điều 228 Luật Đất đai...”. Như vậy cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường trình UBND cấp xã hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký giấy chứng nhận. Ngoài ra theo quy định tại Quyết định số 2304/2025/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 quyết định về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tại bước 5 của thủ tục Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cụ thể như sau: “...Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã: + Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	ký Giấy chứng nhận, trừ trường hợp người đề nghị gia hạn sử dụng đất không yêu cầu cấp mới Giấy chứng nhận. Như vậy giữa luật đất đai 2024 với Nghị định 151/2025/NĐ-CP và Quyết định số 2304/2025/QĐ-BNNMT có sự mâu thuẫn về thẩm quyền, trình tự giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan có thẩm quyền. Đề xuất: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quy định, hướng dẫn cụ thể về trình tự thủ tục đăng ký biến động đối thủ tục đăng ký biến động phải xin phép theo quy định tại điều 121 của Luật Đất đai năm 2024, quy định rõ về thẩm quyền, trình tự khi người dân có nhu cầu đối với thủ tục này.		
9.55	Việc sử dụng hệ thống xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hiện nay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp, sáp nhập đang dùng 02 mềm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS do Công Ty Việt Bán Đồ phát triển xây dựng được tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội Viettel cung cấp và VNPT ILIS. Để sử dụng một phần mềm duy nhất xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo Công văn số 702/QLĐĐ-TKKTĐĐ ngày 15/5/2025 Cục Quản lý đất đai, cần có các chuyên gia về công nghệ thông tin lĩnh vực đất đai. Hiện nay Sở nông nghiệp và Môi trường khó khăn trong việc phân tích đánh giá và lựa chọn một hệ thống đảm bảo vận hành hiệu quả và có khả năng kết nối, chi sẻ với các cơ sở dữ liệu như CSDL đất đai quốc gia, CSDL dân cư và tích hợp với các cổng dịch vụ công. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ các chuyên gia để giúp tỉnh Tuyên Quang đánh giá lựa chọn một trong 02 phần mềm để vận hành phù hợp với điều kiện tỉnh và đáp ứng nhu cầu vận hành, kết nối chia sẻ tốt nhất.	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	
9.56	Đối với việc chỉnh lý hồ sơ địa chính Theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BTNMT Quy định việc trích đo địa chính thửa đất phục vụ nhu cầu cấp giấy đơn lẻ có thể thực hiện trên hệ tọa độ tự do do và số mảnh trích đo sẽ được đánh số từ 1 đến hết theo địa bàn cấp xã theo từng năm. Khi sát nhập đơn vị hành chính cấp xã sẽ xuất hiện nhiều số tờ số thửa trùng nhau trên địa bàn xã mới như vậy không thể quản lý, vận hành được CSDL địa chính Nội dung này chưa có hướng dẫn chi tiết về cách chỉnh lý mảnh trích đo địa chính theo hệ tọa độ tự do khi sát nhập xã Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hướng dẫn chi tiết việc chỉnh lý hồ sơ địa chính khi sát nhập các đơn vị hành chính cấp xã.	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
9.57	Đề nghị cụ thể và đơn giản hóa thủ tục quy định tại điểm c, d khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định 101/2024/NĐ-CP. Lý do khi đo đạc bổ sung bản đồ địa chính thực hiện đối với khu vực đã có bản đồ địa chính hoặc đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện với khu vực đã có bản đồ địa chính với khu vực diện tích nhỏ để thực hiện dự án đầu tư cũng phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai, trừ trường hợp chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện thường xuyên theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Do vậy đề nghị những khu vực nhỏ tùy từng trường hợp được lựa chọn hình thức lập thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc lập phương án nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để phù hợp với thực tế.	Tuyên Quang <i>BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.58	- Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa Khoản 2 Điều 103, Luật Đất đai 2024 để đảm bảo khả thi trong bồi thường cây lâu năm. - Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường có tiêu chí rõ ràng xác định mức “biến động giá” để kịp thời điều chỉnh đơn giá bồi thường theo Luật Đất đai.	Tuyên Quang <i>BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025</i> Chưa lấy ý kiến đơn vị	Cục Quản lý đất đai
9.59	Tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, quy định thẩm quyền của UBND cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã: a) Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai; b) Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai;”. Tuy nhiên, không quy định việc chuyển mục đích sử dụng đất; không có quy định đối với dự án nằm trên địa bàn nhiều xã. Đề xuất: bổ sung nội dung chuyển mục đích sử dụng đất.	Bắc Ninh <i>Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai
9.60	Điểm i khoản 2 Điều 17; Điểm c, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; Điểm p khoản 4 Điều 9 quy định: “p) Chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP”. Điểm i khoản 2 Điều 17 quy định: “2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về các nội dung quy định tại các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai như sau: i) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan thẩm định phương án sử dụng đất kết hợp trình Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm b khoản 4 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP”; Điểm c khoản 4 Điều 21: “c) Khoản 4 và khoản 6 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (hết hiệu	Bắc Ninh <i>Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	lực)”; Đề xuất: Quy định như trên có mâu thuẫn của các Điều, khoản quy định trong Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, đề nghị sửa đổi cho đồng bộ theo hướng thực hiện theo Điểm i khoản 2 Điều 17.		
9.61	Tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP: “c) Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm”; Tuy nhiên tại phụ lục kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính kèm theo Quyết định 2304/QĐ-BNNMT quy định do Bộ NNMT ban hành chỉ giao Chủ tịch UBND tỉnh, chưa có quy định của Chủ tịch UBND cấp xã. Mặt khác, theo phân quyền, phân cấp tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ phân quyền đối với Chủ tịch UBND cấp tỉnh chấp thuận đối với trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; phân quyền đối với Chủ tịch UBND cấp xã chấp thuận đối với trường hợp Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm. Đề xuất quy định bổ sung thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã tại phụ lục kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính kèm theo Quyết định 2304/QĐ-BNNMT quy định do Bộ NNMT; bổ sung Mẫu số 49 nội dung về hình thức giao đất, cho thuê đất để có cơ sở phân loại hồ sơ giải quyết.	Bắc Ninh <i>Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025</i>	
9.62	Điều 7. Thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân quyền, phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quy định: “4. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất quy định tại điểm p khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: c) Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao quản lý;” Đề nghị: Bổ sung, hướng dẫn quy trình thực hiện quyết định trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án tại điểm c nêu trên.	Bắc Ninh <i>Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025</i>	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
9.63	Về danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Tại Khoản 5 Điều 72 Luật đất đai quy định: “Điều 72. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5. Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này”. Tuy nhiên, Nghị định Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, hướng dẫn lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp xã không còn bước trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Như vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn có phải thực hiện thủ tục này không?	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.64	Về Kế hoạch sử dụng đất cấp xã Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 151/2025/NĐ-CP kế hoạch sử dụng đất cấp xã được lập 05 năm, trong Kế hoạch thể hiện các nội dung: “3. Tập hợp nhu cầu sử dụng đất trong việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã a) Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong kỳ kế hoạch; b) Các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư, các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kỳ kế hoạch; c) Đối với dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai và trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên thì phải đăng ký nhu cầu sử dụng đất gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để tập hợp vào kế hoạch sử dụng đất cấp xã”. Tuy nhiên, Kế hoạch sử dụng đất là 5 năm được lập trong năm đầu của kế hoạch, do vậy không tổng hợp đầy đủ cầu sử dụng đất trong cả kỳ kế hoạch đến từng dự án, công trình.	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025	Cục Quản lý đất đai
9.65	Về trình tự định giá đất cụ thể (phụ lục Nghị định 151/2025/NĐ-CP) Tại mục 6. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai: a) Công khai Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất trên Cổng thông tin điện tử; Tuy nhiên, không quy	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-	Cục Quản lý đất đai

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	định công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan nào và thời gian trong bao lâu, đề nghị hướng dẫn nội dung này.	VP ngày 23/7/2025	
9.66	Nghị định 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ phân quyền, phân cấp cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã trong lĩnh vực đất đai rất nhiều nội dung, tuy nhiên Bộ thủ tục hành chính kèm theo Quyết định 2304/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa bổ sung đầy đủ dẫn đến hiện nay các địa phương cấp xã chưa thể tiếp nhận hồ sơ đối với các thủ tục còn thiếu. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, bổ sung đầy đủ tương ứng với các nội dung phân cấp, phân quyền.	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-VP ngày 23/7/2025	Cục Quản lý đất đai
X	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN		
10.1	Tại Điều 34 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, quy định về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quản lý khoáng sản nhóm II (việc cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi, cho phép trả lại, chấp thuận chuyển nhượng, phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ, chấp thuận phương án đóng cửa mỏ, quyết định đóng cửa mỏ quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật địa chất và khoáng sản). Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 7 Luật Địa chất và Khoáng sản “6. Cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản có trách nhiệm chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh mục các khu vực có tài nguyên địa chất, khoáng sản cần bảo vệ đã và đang được điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản”, chỉ bàn giao danh mục các khu vực có tài liệu địa chất, khoáng sản mà không bàn giao tài liệu địa chất, do đó sẽ khó khăn trong việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản đối với nhóm khoáng sản nhóm II đã được điều tra cơ bản về địa chất. Ngoài ra, trong giai đoạn gần đây Cục Địa chất và Khoáng sản được nâng cấp thành Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam theo Quyết định số 26/2011/QĐ-TTg ngày 04/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, cơ cấu gồm 04 Cục và 05 Vụ và 01 Văn phòng Tổng cục hoạt động trên 10 năm đến ngày 01 tháng 01 năm 2023 mới được chia tách lại thành Cục Địa chất Việt Nam và Cục Khoáng sản Việt nam nay thành Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Nhìn tổng thể như vậy cho thấy, số lượng rất lớn cán bộ biên chế để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trong đó có khoáng sản nhóm II theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật địa chất và khoáng	Lào Cai Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt nam

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	sản “khoáng sản làm vật liệu trong ngành công nghiệp xây dựng phục vụ sản xuất xi măng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng, đá ốp lát, đá mỹ nghệ, vôi công nghiệp, vật liệu chịu lửa”. Biên chế theo đề án vị trí việc làm được giao sau khi sáp nhập tỉnh biên chế chỉ có 14 người (thực hiện 02 mảng quản lý là: tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản) trên địa bàn rộng, do đó đề nghị Sở Nội vụ xem xét điều chỉnh về mặt biên chế sau khi Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, để đảm bảo thực hiện công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Mặt khác, về cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 12 Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không quy định trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình hoạt động địa chất, khoáng sản trên địa bàn với UBND cấp tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát mọi hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản trên địa bàn; quản lý, bảo vệ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 và khoản 3 Điều 71 của Luật Địa chất và Khoáng sản, tham mưu UBND cấp xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Bộ trong công tác cấp phép hoạt động khoáng sản đối với các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Do vậy, việc triển khai các văn bản dưới Luật địa chất và khoáng sản sẽ không có tính pháp lý về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác bảo vệ và kiểm tra giám sát, phối hợp trong công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh, dễ xảy ra việc buông lỏng quản lý và đùn đẩy trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan.		
XI	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
11.1	Trước khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động (01/7/2025), theo quy định tại Điều 3 Luật Q uy hoạch đô thị năm 2009 thì nội thành, ngoại thành của thành phố và thị trấn là đô thị, do đó các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu áp dụng đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực thị trấn (của các huyện) và thành phố theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thuê đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; tuy nhiên sau sáp nhập	Lai Châu (Công văn 2248/SNNMT -VP ngày 04/7/2025)	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp ở cấp xã chỉ còn xã và phường, theo quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025: “xã là đơn vị hành chính ở nông thôn; phường là đơn vị hành chính ở đô thị” do đó các xã không thể áp dụng Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh (áp dụng cho đô thị) để làm cơ sở thuê đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023): "Ủy 4 ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá", nhiệm vụ này đã được UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xây dựng, hiện đang trong quá trình thực hiện, dự kiến trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh vào tháng 10/2025 theo Chương trình công tác năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu. Như vậy, hiện nay các xã mới (nhất là các xã được sáp nhập từ thị trấn và đang thuê đơn vị thu gom, xử lý) chưa có căn cứ để đề xuất thuê đơn vị thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trong thời gian chờ ban hành quy định mới về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Đề xuất: Đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cách thức thực hiện để các xã có căn cứ thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định của pháp luật.		
11.2	Tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở có phát sinh chất thải (nước thải, khí thải, chất thải nguy hại) thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện trước đây (quy định ngưỡng phát sinh chất thải đối với các dự án, cơ sở phải có Giấy phép môi trường). Tuy vậy, do ngưỡng phải có Giấy phép môi trường quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định 131 khác với ngưỡng phát sinh chất thải đối với các dự án, cơ sở phải có Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 30 Điều 1 và điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ nên còn lúng túng khi áp dụng. Ví dụ, một Dự án có phát sinh khí thải	Hà Tĩnh <i>Công văn số 3550/SNNMT-TCCB ngày 08/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	lưu lượng từ 1.000 đến dưới 2.000m³/giờ hoặc phát sinh nước thải sinh hoạt từ 20 đến dưới 50m³/ngày nếu so sánh ngưỡng phát sinh chất thải theo Nghị định 08 được sửa đổi tại Nghị định 05 như đã nêu trên thì Dự án phải có Giấy phép môi trường của Chủ tịch UBND tỉnh, nhưng nếu so với ngưỡng phát sinh chất thải phải có Giấy phép môi trường theo Nghị định 131 thì Dự án không phải cấp Giấy phép môi trường, như vậy trường hợp này thì áp dụng theo Nghị định 08 được sửa đổi tại Nghị định 05 hay áp dụng theo Nghị định 131.		
11.3	Về việc Bộ Tài nguyên và Môi trường phân quyền cho UBND cấp tỉnh quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Điều 37, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025: Việc giao UBND tỉnh quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn sẽ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc vì các đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật cần đảm bảo tính thống nhất cả nước, trong đó có tính đến hệ số vùng miền, tránh trường hợp mỗi địa phương làm mỗi kiểu, tốn nhiều thời gian, chi phí cho việc thuê đơn vị tư vấn xây dựng các đơn giá, định mức, đơn vị thẩm định việc xây dựng này. Về thẩm quyền của UBND cấp tỉnh trong việc cấp giấy phép môi trường được quy định tại Điều 26, Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. Việc giao UBND tỉnh cấp GPMT cho các dự án đầu tư, cơ sở có lưu lượng xả thải nhỏ, có thể chỉ là quy mô cấp hộ gia đình sẽ làm tăng số lượng hồ sơ thủ tục hành chính mà UBND tỉnh phải giải quyết. Cụ thể như một số dự án, cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường như: - Có phát sinh nước thải công nghiệp, nước thải chăn nuôi xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³ /ngày trở lên. - Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³ /giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức. - Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành. Đối với chất thải nguy hại, bắt buộc các cơ sở có phát sinh đều phải hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý. Do vậy, không cần thiết phải yêu cầu lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường nếu chỉ phát sinh chất thải nguy hại. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Các dự án đầu tư, cơ sở vừa và nhỏ có phát sinh chất thải như quy định trên phải	Thanh Hóa <i>Công văn số 7343/SNNMT -TCCB ngày 07/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh sẽ làm gia tăng khối lượng công việc và tăng chi phí và tốn thêm nhiều thời gian cho nhà đầu tư, chủ cơ sở. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành cơ bản đầy đủ hệ thống các quy chuẩn xả thải. Do vậy, chỉ yêu cầu các nhà đầu tư các dự án vừa và nhỏ, phát sinh chất thải thông thường chủ động đầu tư các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu xả thải và tăng công tác hậu kiểm sẽ phù hợp hơn trong bối cảnh tinh giảm biên chế, tăng cường năng lực. Thay vì tăng các loại hồ sơ yêu cầu phải cấp phép, các bộ; cơ quan tham mưu cho UBND cấp tỉnh nên tập trung tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn theo từng nhóm dự án cụ thể để chủ dự án, chủ cơ sở dễ dàng thực hiện các quy định pháp luật nói chung trong đó có quy định về Bảo vệ môi trường.		
11.4	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời gian tới, xem xét tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính, nâng hạn mức cấp giấy phép môi trường, tăng cường công tác hậu kiểm, ban hành các hướng dẫn cụ thể cho địa phương để có sự thống nhất chung về quan điểm, nhận thức và hành động.	Thanh Hóa <i>Công văn số 7343/SNNMT-TCCB ngày 07/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.5	<i>Vướng mắc trong nội dung Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình dự án được giao thông, liên huyện cụ thể:</i> - Theo điểm e khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: e) Đối với dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng viễn thông, tuyến đường dây tải điện, cấp, thoát nước và cải tạo, tu bổ kênh mương liên tỉnh, liên huyện, chủ dự án đầu tư chỉ thực hiện tham vấn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và tham vấn bằng văn bản đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu dự án nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu dự án nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; - Vậy, sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, trường hợp Dự án nằm trên địa bàn từ 02 xã trở lên thì thực hiện như thế nào?	Cao Bằng <i>Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.6	<i>Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường thẩm quyền của UBND cấp huyện.</i> - Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: <i>"10. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường:</i> <i>b) Cử cán bộ, công chức, chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) kiểm tra thực tế quá trình vận hành thử nghiệm công trình</i>	Cao Bằng <i>Báo cáo số 2953/BC-SNNMT ngày 10/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	<i>xử lý chất thải của dự án đầu tư; tiến hành đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải xả ra môi trường."</i> - Vậy, dự án, cơ sở do UBND cấp huyện đã cấp giấy phép môi trường đang trong thời gian vận hành thử nghiệm hoặc sắp tới sẽ vận hành thử nghiệm, thì cơ quan nào có trách nhiệm tiếp tục kiểm tra, giám sát việc cơ sở vận hành thử nghiệm?		
11.7	Về việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với các Dự án, cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường: Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: Chủ dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án <u>cho cơ quan cấp giấy phép môi trường</u> trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; <u>cơ quan cấp giấy phép môi trường</u> cử cán bộ, công chức, chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) kiểm tra thực tế quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư. <u>Sau khi thực hiện Chính quyền 02 cấp, không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện.</u> Do đó, đề nghị làm rõ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án và cử cán bộ, công chức, chuyên gia kiểm tra thực tế quá trình vận hành thử nghiệm đối với các Dự án, cơ sở đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép môi trường.	Hải Phòng <i>Công văn số 3800/SNNMT</i> <i>-VP ngày 09/7/2025</i>	
11.8	Về việc quản lý chất thải rắn. Khoản 4 Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: ““<i>Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp xã; đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý <u>chất thải rắn khu vực nông thôn</u>; tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường</i>”. Điều khoản này chưa quy định về công tác vận chuyển, vệ sinh công cộng cấp xã. Do đó, cần xem xét, bổ sung, chỉnh sửa như sau: “<i>Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy</i>	Hải Phòng <i>Công văn số 3800/SNNMT</i> <i>-VP ngày 09/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	<i>định về bảo vệ môi trường theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, vệ sinh công cộng quy mô cấp xã; đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường”</i> Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ không quy định trách nhiệm cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với nội dung quản lý chất thải rắn. Khoản 4 Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã như sau: “Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp xã; đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý <u>chất thải rắn khu vực nông thôn</u>; tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường”. Như vậy, Nghị định phân cấp chỉ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn. Do đó, đề nghị làm rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chất thải rắn khu vực đô thị.		
11.9	Thủ tục hành chính “tham vấn trong đánh giá tác động môi trường” thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: Theo Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, “tham vấn trong đánh giá tác động môi trường” là thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã. Theo Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, <u>TTHC “tham vấn trong đánh giá tác động môi trường” không nằm trong danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung và danh mục TTHC bị bãi bỏ</u>, trong khi đó Điều 2 của Quyết định này quy định “Các thủ tục hành chính tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính tương ứng tại Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường”.	Hải Phòng Công văn số 3800/SNNMT -VP ngày 09/7/2025	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	Khoản 13 Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, không có nội dung về việc tham vấn trong đánh giá tác động môi trường thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của ủy ban nhân dân cấp xã. Do đó, đề nghị làm rõ, “tham vấn trong đánh giá tác động môi trường” có là thủ tục hành chính không, và cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính này.		
11.10	Đề nghị quy định thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường đối với các đối tượng thuộc quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 5 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung lần lượt tại khoản 30 và khoản 31 Điều 1 Nghị định 05/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ nhưng không thuộc Điều 26 Nghị định 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Hải Phòng <i>Công văn số 3800/SNNMT-VP ngày 09/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.11	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: - Khoản 1 Điều 25 quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong trường hợp không có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường và nhiệm vụ này được giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Thông tư số 19/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn 26 phần cụm công nghiệp do nhà nước quản lý chưa đầu tư công trình bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải tập trung; cần nguồn lực lớn về kinh phí, nhân lực, bộ máy để thực hiện đầu tư xây dựng, vận hành công trình bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp. - Khoản 1 Điều 26 quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50m ³ /ngày trở lên; b) có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	... Như vậy, quy định về các dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng cấp phép giấy phép môi trường ở trên là chỉ áp dụng cho các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền của cấp huyện trước đây. Quy định về đối tượng phải cấp giấy phép môi trường tại khoản 1 Điều 26 này có thay thế quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 30 và điểm d khoản 31 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ?		
11.12	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: - Điều 28, Điều 29 quy định thẩm quyền của UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã về lĩnh vực môi trường, chịu trách nhiệm thực hiện rất nhiều nhiệm vụ về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay tại các xã, phường hầu hết không có cán bộ chuyên môn về lĩnh vực môi trường, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của cấp xã trong tình hình diễn biến môi trường phức tạp hiện nay. - Khoản 2 Điều 48. Quy định chuyển tiếp: “Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đến cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải nộp lại hồ sơ; cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận thẩm quyền, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này có trách nhiệm tiếp tục giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân”. Như vậy, đối với các hồ sơ giấy phép môi trường đã được UBND cấp huyện tiếp nhận trước ngày 01/7/2025 thì sẽ chuyển giao cho cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận (Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tiếp tục giải quyết. Tuy nhiên, đến nay đã thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (bỏ cấp huyện) nhưng chưa có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên về việc bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến thủ tục hành chính đã tiếp nhận, đang giải quyết (kể cả là những hồ sơ đã hoàn thành cấp giấy phép môi trường) từ UBND cấp huyện cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tiếp tục thực hiện giải quyết hồ sơ đối với các hồ sơ chưa hoàn thành và quản lý, kiểm tra, giám sát vận hành thử nghiệm đối với các dự án đầu tư, cơ sở đã được cấp phép.	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.13	Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Điểm b khoản 1 Điều 64 quy định cơ quan, người có thẩm quyền được phân quyền, phân cấp khi tiếp nhận thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm “Kế thừa toàn bộ hồ sơ, tài liệu, các bước thực hiện và kết quả giải quyết của cơ quan,	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp đã thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp; không thực hiện lại các bước trong thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi phân cấp;”. Khoản 8 Điều 63 quy định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ, dữ liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn phân quyền, phân cấp, trong đó có các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về môi trường. Như vậy, với thời hạn 03 tháng để chuyển giao hồ sơ tài liệu thủ tục hành chính sẽ ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính về môi trường.		
11.14	Về xử lý vi phạm hành chính Đề nghị có quy định rõ về việc xác định hành vi vi phạm, việc xử lý vi phạm hành chính trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản về phân cấp, phân quyền. Ví dụ: hành vi vi phạm hành chính về không lập giấy phép môi trường đối với cơ sở mà theo quy định trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện và hiện nay nộp hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh thì sẽ xử lý hành vi vi phạm hành chính theo khung xử phạt đối với thẩm quyền cấp huyện hay cấp tỉnh?.	Hung Yên <i>Công văn số 245/SNNMT-VP ngày 18/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.15	+ Công tác quản lý chất thải xây dựng khó khăn, đổ thải không đúng nơi quy định, hiện tượng đổ trộm tại những khu đất công, khó quản lý, việc vi phạm về tiếng ồn, khói bụi, cần có chuyên môn và máy móc, công cụ để hỗ trợ xử lý dứt điểm. + Phân định rõ trách nhiệm quản lý các khu vực nhạy cảm, đặc biệt với khu vực đầm lầy, sông suối, cần có sự phân định rõ ràng về trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc bảo vệ, duy trì các hệ sinh thái quan trọng này. + Làm rõ thẩm quyền cấp kiểm tra định kỳ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	Hà Nội <i>Công văn số 4502/SNNMT-KHTC Ngày 18/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.16	- Các nội dung quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu thuộc quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ được điều chỉnh tại 02 nghị định: Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 và Nghị định số 136/2025 ngày 12/6/2025 nhưng chưa được điều chỉnh ở các luật: Luật Bảo vệ môi trường và Luật Khí tượng thủy văn. Như vậy, giữa quy định của Luật và Nghị định của Chính phủ	Lào Cai <i>Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	chưa có sự thống nhất về cùng một nội dung. Mặt khác, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 và Nghị định số 136/2025 ngày 12/6/2025 sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027. Vì vậy, đề nghị sớm sửa đổi, bổ sung nội dung các nội dung về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp trong Luật Bảo vệ môi trường và Luật Khí tượng thủy văn cho đảm bảo tính thống nhất.		
11.17	- Theo điểm g Điều 26a Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BTNMT ngày 10/01/2025) thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM các dự án thủy điện không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ. Mặt khác, theo điểm d khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước mặt đối với các dự án thủy điện với công suất lắp máy từ 2MW đến dưới 5MW, còn lại từ 5MW trở lên thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, theo điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 136/NĐ-CP thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường không phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM các dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Do đó, cần xem xét sửa đổi cho thống nhất.	Lào Cai <i>Công văn số 291/SNNMT-CCMT ngày 21/7/2025</i>	Cục Môi trường
11.18	Vướng mắc, bất cập về thẩm quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của Chủ tịch UBND cấp xã. Tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền thành lập đoàn kiểm tra đột xuất không báo trước. Tuy nhiên, điểm e khoản 1 Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân và đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường trên địa bàn của xã. Do đó, việc quyết định kiểm tra đột xuất không báo trước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ giới hạn kiểm tra các đối tượng là hộ gia đình, cá nhân và đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường trên địa bàn của xã, không có thẩm quyền kiểm tra đối với các đối tượng là chủ đầu tư dự án, cơ sở thuộc diện cấp giấy phép môi trường hoặc thuộc diện miễn đăng ký môi trường dẫn tới không bảo đảm kịp thời phát	Tuyên Quang <i>BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025</i>	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	hiện, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng là chủ đầu tư dự án, cơ sở thuộc diện cấp giấy phép môi trường hoặc thuộc diện miễn đăng ký môi trường trong địa bàn của xã. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường theo hướng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn xã, không giới hạn thẩm quyền như quy định hiện nay.		
11.19	Đối với cấp giấy phép môi trường đối với cụm công nghiệp và dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp quy mô nhỏ. Điều 51, Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định khu, cụm công nghiệp bắt buộc phải xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung và phải có hệ thống quan trắc nước thải tự động. Tuy nhiên, đối với các khu, cụm công nghiệp quy mô nhỏ, có khối lượng nước thải phát sinh ít nếu bắt buộc phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động sẽ không có đủ nước 9 thải để cấp cho hệ thống xử lý vận hành bảo đảm hiệu quả, gây lãng phí vốn đầu tư và chi phí vận hành; thực tế đã cho thấy một số địa phương trước đây đầu tư kinh phí lớn để xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng không thể vận hành do không có đủ nước thải. Cho đến nay, một số cụm công nghiệp đã tiếp nhận dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp trước ngày 01/01/2022 nhưng lượng nước thải xả ra môi trường của toàn cụm công nghiệp có quy mô nhỏ chưa thể đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường theo như Điều 51, 52 Luật Bảo vệ môi trường đã quy định, chưa đủ điều kiện lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho cụm công nghiệp; việc cấp phép xả nước thải cho các dự án đầu tư thứ cấp xả nước thải ra hệ thống thoát nước mưa cùng gặp vướng mắc bởi quy định các dự án này phải đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi quy định về hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp tại Điều 51, 52, 53 Luật Bảo vệ môi trường; không bắt buộc các cụm công nghiệp quy mô xả nước thải toàn cụm công nghiệp nhỏ phải đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, cho phép các dự án đầu tư thứ cấp trong các cụm công nghiệp này được tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	Tuyên Quang BC số 45/BC-SNNMT ngày 26/7/2025	Cục Môi trường
11.20	Tại ý đ, khoản 1 Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ - CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản	Bắc Ninh Công văn số 521/SNNMT-	Cục Môi trường

TT	Nội dung kiến nghị, đề xuất	Địa phương kiến nghị	Đơn vị trả lời
	lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định: đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi: Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000m ³ /giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức. Để nâng cao trách nhiệm quản lý của cấp xã, phường đề nghị sửa đổi : đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường: đối với đối tượng có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 5.000m ³ /giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức.	VP ngày 23/7/2025	
XII	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM		
12.1	đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu bổ sung một số nhiệm vụ như sau: + UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo UBND cấp tỉnh tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, biến động bản đồ địa chính tại địa phương; + UBND cấp xã có trách nhiệm đo đạc bổ sung bản đồ địa chính thực hiện đối với khu vực đã có bản đồ địa chính nhưng chưa đo vẽ khép kín phạm vi đơn vị hành chính, bao gồm cả khu vực đã đo khoanh bao trên mảnh bản đồ địa chính trước đó nhưng chưa đo chi tiết đến từng thửa đất; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện với khu vực đã có bản đồ địa chính khi có sự thay đổi một trong các yếu tố về hình dạng, kích thước; Trích đo bản đồ địa chính được thực hiện riêng đối với từng thửa đất hoặc nhiều thửa đất trong phạm vi một mảnh trích đo bản đồ địa chính theo tỷ lệ cần thành lập đối với nơi chưa có bản đồ địa chính;	Hà Nội Công văn số 4502/SNNMT -KHTC Ngày 18/7/2025	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam